

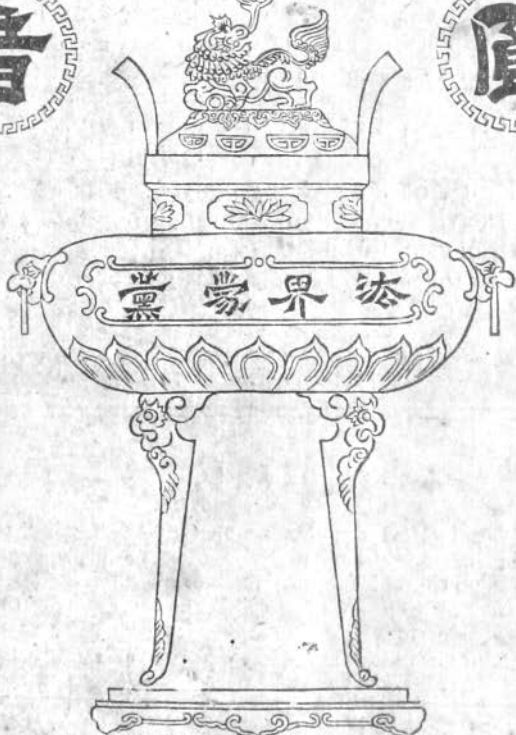
NĂM THỨ I
Số 12

Tháng Novembre
và tức, 1934

VIEN AM

音

圓



不說之書
刊月會學佛

Nguyệt-San Phật-Học

PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT-SAN VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Huế được nghị-định quan Toàn-quyền ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài pháp-văn.

Giá nguyệt-san.....	{	mỗi năm.....	2\$00
		nửa năm.....	1\$10
		mỗi quyển....	0\$20

Hội Phật-Học tặng không nguyệt-san nầy cho các ngài Hội-viên của Hội. Như hai ông bà đều có chừa Hội-viên thì chỉ tặng một quyển.

TÒA SOẠN : 5 Rue Champeau — HUÉ

Thơ từ, mandat mua nguyệt-san xin gửi cho
M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Médecin Indochinois du Cadre Latéral — HUÉ
(Boîte postale n° 73)

PHỎ - CÁO

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán thành Bản San xin ghi tên vào tờ nguyệt-san (Bulletin d'abonnement), rồi gửi lại một lần với mandat đề Bản-San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ, và xin các ngài sẵn lòng giới thiệu giúp.

Xin giữ talon mandat mua nguyệt san để thế biên-lai.

Những bài lai-cáo đăng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đăng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên-Âm.

Đăng quảng cáo tính giá phải chăng, xin gửi thơ thương lượng trước.



Nam-mô Bôn-sư

Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác-Đại Chứng-Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠO-SƯ

Diệu-Đế tự Tru-Trì : Giác-Tiên

Túy-Ba tự Tru-Trì : Giác-Nhiên

Duyệt-y :

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên : Lê-Đình-Thám

MỤC LỤC

I. — *Quyển đầu ngữ*

Thanh-nhân và thanh-tịnh.

II. — *Như thị pháp*

✓ A) LUẬN ĐÀN : Fam tánh.

B) DIỄN-ĐÀN { 1.) Chúc-từ của Cu Chánh-Hội-trưởng.
2.) Lợi ích của Phật-Học đối với phái phụ-nữ.

✓ C) CHU - KINH { 1.) Đại ý kinh Thủ-Lãng-Nghiêm (tiếp theo)
GIẢNG NGHĨA { 2.) Kinh Thủ-Lãng Nghiêm (tiếp theo)

III. — *Biệt khai phương tiện*

A) THỂ GIAN THUYẾT : Đây là Thiên-đương, Địa-ngục ?

B) PHẬT-HỌC DỊ GIẢI : A Di-Đà Phật (tiếp theo)

C) PHẬT-GIAO VẤN ĐÁP

D) THI LÂM

E) PHIÊN NẢO TỨC BỒ ĐỀ : Bonjour Đức Phật.

IV. — *Sự tích*

SỰ-TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH-CA (tiếp theo)

V. — *Tiểu tức*

A) Tường thuật về lễ sinh-nhật đức Phật Thích-Ca.

B) Sự tích thầy Giảng sư Thích-mật-Khế.

VI. — *Supplément en Française*

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

Thanh-nhân và thanh-tịnh

Ấm người vì lầm thê thanh-tịnh của đạo Phật với sự thanh-nhân của thế-gian nên tưởng rằng Phật-Pháp không hiệp với đời cạnh tranh này. Thiệt ra, thanh-tịnh và thanh-nhân khác nhau như trời với vực.

Thanh-nhân là ở không, không làm việc gì, tức là một đũa quấy, mà trong đạo Phật thường gọi là giải-dãi. Vì Phật biết bịnh giải-dãi (lười-biếng) là thông-bịnh của chúng-sanh, nên Phật thường dạy người tu hành phải tinh-lấn (siêng năng) để trừ cho hết bịnh giải-dãi.

Chúng-sanh từ vô-thĩ đến giờ, vì mê không rõ Phật-lành nên trong thì bị tham, sân, si các món phiền-não khuấy rối, ngoài thì bị sắc, thanh, các món trần-cảnh sai khiến, đến nỗi sống không biết vì sao mà sống, chết không biết vì sao mà chết, không biết tâm mình là chi, ngoại-cảnh là chi, say mê theo vật-dục và chịu lầm đều khổ sở.

Một chúng-sanh như vậy, vô-lượng chúng-sanh như vậy; người học Phật biết mình mê không rõ Phật-tánh bản-nhiên thanh-tịnh, nên đồng bịnh tương-liên quyết chí tự độ mình và độ cho hết thấy chúng-sanh đều chứng Phật-tánh, dầu cho làm việc đến hơi thở cuối cùng cũng chưa lấy làm đủ, làm sao mà thanh-nhân được.

Chỉ nguyện độ sanh của người học Phật rất rộng lớn, còn một chúng-sanh chưa giác ngộ là còn làm việc, làm việc cho đến khi hết thấy chúng-sanh đều chứng được Phật-tánh bản-lai thanh-tịnh.

Thanh-tịnh nghĩa là trong-sạch; chứng rõ chơn-tánh của muôn sự muôn vật, không còn các món phiền-não mê lầm nên gọi là thanh-tịnh.

Người nào tâm được thanh-tĩnh là người hay, người tốt, là những người có thể bỏ lợi ích riêng mà lo lợi ích chung, bỏ cái hạnh-phúc nhỏ nhen của mình mà lo hạnh-phúc lo tát của nhân-quần xã-hội. Thiết tưởng, dầu đảng phái nào, dầu dân-tộc nào cũng cần phải có những người như vậy; chứ những phường rượu chè xói thịt, sớm đánh tối dẫu, những hạng kiêu-mạng sân si, tham lam độc ác thì dầu khua môi uốn lưỡi đến đâu cũng chỉ mua được cái danh hão cho mình mà thôi; đối với xã-hội nhân-quần, họ không ích gì, lại thường hại nhiều người khác phải chịu lầm dều tai nạn.

Ông nào đã thờ chủ-ngĩa cạnh-tranh thì cứ cạnh-tranh đi, nhưng xin hãy cạnh-tranh theo tánh thanh-tĩnh, nghĩa là cạnh-tranh theo lối chánh-đáng: gắng học cho giỏi, làm việc cho nhiều, chế-tạo đồ vật dụng cho khéo, chứ đừng cạnh-tranh về lối xa-xỉ, về lối lừa gạt, về lối nói khoác, đã không được lợi ích riêng bao nhiêu mà lại có thể thiệt hại nhiều cho đại-da-số...

Đức Phật Thích-Ca 6 năm khổ-hạnh, 49 năm thuyết pháp lợi sanh, không một lúc nào chịu nghỉ ngơi. Vậy mới biết người thanh-tĩnh không bao giờ chịu thanh-nhàn mà những người còn ưa thanh-nhàn quyết chắc chưa được thanh-tĩnh.

VIÊN-ÂM





II. — NHƯ THI PHÁP

A. — LUẬN-ĐÀN

Tam tánh 三性

Tham tánh là thiện-tánh 善性, bất-thiện-tánh 不善性 và vô-ký tánh 無記性. Việc gì lành là về thiện-tánh, việc gì không lành là về bất-thiện-tánh, việc gì không lành không dữ là về vô-ký-tánh.

Theo tục-đế 俗諦 hay chơn-đế 真諦 những đều thiện, bất-thiện hay vô-ký có khác nhau.

1.) Theo tục-đế, những đều có thể làm cho được quả-báo vui vẻ là đều thiện, những đều có thể gây ra quả-báo không tốt là đều bất-thiện, những đều không gây ra quả-báo vui, khổ là thuộc về vô-ký. Đều thiện, bất thiện và vô-ký theo tục-đế, vì thuận theo nguồn gốc mê lầm nên sanh diệt vô-thường; đối với chơn-đế thì dầu những đều thiện hay vô ký trong tục-đế cũng vẫn có phần bất-thiện.

2.) Theo chơn-đế, những pháp vắng lặng an lành thường-trụ không đổi là thiện, những pháp sanh diệt-vô-thường là bất-thiện. Trong chơn-đế lại có hai món vô-ký là:

a) Hư-không vô vi 虛空無爲 nghĩa là chứng rõ các pháp đều như hư-không không có tự-tánh, bản lai không có năng-tác 能依 và sở-tác 所作.

b) Phi trạch diệt vô-vi 非擇滅無爲 nghĩa là chứng rõ pháp-tánh vốn thường thanh-tĩnh chớ không phải vì dứt trừ các pháp nhiễm-ô mà thanh-tĩnh,

Ngoài hai pháp vô-vi kia, những cảnh-giới trong vô tướng-định 無想定, trong diệt-tận-định 滅盡定 cũng còn thuộc về vô-ký của tục-đế; người tu hành không nên sa đắm vào những cảnh-giới ấy, vì nó chỉ là giả-cảnh trong định, vì nó không dung-hiệp với tâm-thức thường-trụ.

Tam tự-tánh 三自性

Tam tự-tánh là: 1.) Y-tha-khỉ tự-tánh
2.) Biến-kế-chấp tự-tánh
3.) Viên-thành-thiệt tự-tánh.

1.) *Y-tha-khỉ-tự-tánh* 依他起自性. — Y-tha-khỉ nghĩa là nương với cái khác mà phát-hiện; như hữu-hình nương với vô-hình, sống nương với chết, vân vân. Tất cả các pháp đều vì nhơn-duyên hội-hiệp mà thành, vốn không phải thiệt có, tuy không phải thiệt có nhưng khi đủ các nhơn-duyên thì cũng có thể phát-hiện ra như huyền như hóa. Phát-hiện như vậy là nhự y-tha-khỉ tự-tánh.

2.) *Biến-kế-chấp tự-tánh* 遍計執自性. — Không rõ các pháp vì nhơn-duyên hội-hiệp mà thành như huyền như hóa, và chấp các pháp là thiệt có, thế là biến-kế-chấp tự-tánh.

3.) *Viên-thành-thiệt tự-tánh* 圓成寔自性. — Không hạn lượng là viên, không thay đổi là thành, không gì đối là thiệt. Chính trong cảnh-giới y-tha-khỉ, bỏ hẳn tánh biến-kế-chấp và nhận được chơn-tánh của các pháp, tức là viên-thành-thiệt tự-tánh.

Vì như người đau mắt, giữa hư-không thấy có hoa đốm; hoa đốm, vì đau mắt nên hóa ra có, thế là y-tha-khỉ tự-tánh. Người đau mắt không rõ tướng giữa hư-không thiệt có hoa đốm, rồi phân biệt hoa đỏ hoa xanh, hoa tốt, hoa xấu, vân vân, thế là biến-kế-chấp tự-tánh. Nếu chính trong khi thấy hoa đốm liền biết rõ vì đau mắt mà có, thiệt ra vẫn một thể hư-không, thế là viên-thành-thiệt tự-tánh.

Ngoài tam-tự-tánh lại có tam vô-tánh, nhưng xét ra cho kỹ thì ba món vô-tánh cũng không ngoài viên-thành-thiệt tự-tánh,



B. — DIỄN-ĐÀN

Chủ-từ của cụ Chánh-Hội-Trưởng Nguyễn-Khoa-Tân, trong ngày lễ Phật khánh-đản (10 Mai 1935)

Nam-Mô Bồ-như Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính tâu Tôn-Cung

Kính tâu Hoàng-Thượng

Kính trình quý Khâm-Sứ đại-thần

*Kính thưa các Cụ Cơ-Mật đại-thần và
xin chào các ngài,*

Nay chúng tôi được cái vinh-hạnh khác thường thay mặt cho toàn-thể Hội-viên Hội Phật-Học, cho toàn-thể Sa-môn và thập phương thiện-tín, đem lời thành kính trước cung-nghinh Ngự-giá, sau nữa chào mừng cảm các quan, các ông, đã đến dự một lễ Tôn-giáo như kỷ-niệm Giáng-sanh Phật-Tổ hôm nay.

Kính tâu Hoàng-thượng,

Việc Triều-chánh nhứt nhứt vạn cơ, thể mà trong dịp mừng tôi thiết ra lễ này, Bệ-hạ đã đoái hoài tới mà sang-lâm cùng Tôn-Cung, thiết là vẻ vang cho nhà Phật-tử, lại ảnh-hưởng sâu xa cho tiền-đồ Phật-giáo.

Tin-nguờng là nêu chốt cho kẻ thần dân, nay trăm họ đã thấy dấu xe loan dừng nơi cử Phật, thiết là tiêu biểu cái lòng mến-thể của một vị Đế-Vương vì thương đến thần dân mà hộ-trì chánh pháp.

Kính trình quý Khâm-Sứ đại-thần,

Đã nhiều phen ngài đem lòng mến đạo, lấy tài uyển bác ủy-vũ cho chúng tôi đạt chí thành công. Hôm nay ngài dự lễ, ấy là ngài hạ cố đến chúng tôi một cái dây đủ làm cho chúng tôi cảm-khích vô cùng.

Kính trình các Cụ lớn,

Các Cụ chẳng tiếc phí uổng thì giờ mà dự lễ này ấy là làm tỏ rạng cho chốn Già-lam, cũng là một cái các Cụ lớn muốn khuyến cho chúng tôi vui lòng mà bước ra khỏi bờ mê, thiết lấy làm cảm tạ bội phần.

Thưa các ngài,

Lời lẽ quê kệch, nói sao xiết nỗi cảm tình trong dịp hiếm có này.

Trong lịch sử Phật-giáo ở chốn Thần-kinh, có thể cái lễ Khánh-đản Phật này là lần đầu-tiên vậy. Không phải rằng các chùa xưa nay không nhớ ngày sanh đủ Thế-Tôn; nhưng trong sơn-môn hiệp đồng với nhau lại hiệp đồng với cư-sĩ tín-đồ, để mà thiết lễ đản Phật thật là chưa từng có vậy. Chúng tôi được quan trọng chuẩn-y cho hợp tác với nhau làm lễ ở trong một chỉ kỳ-cổ như chùa Diệu-Đế này thật là một việc mà hiếm thay!

Thiết lễ này chúng tôi chẳng muốn phô-trương để gì. Đối với một ông Giáo-chủ đã trót đem thân khổ-tập trong bốn mươi chín năm, trải bao khó hạnh, mà nay ta lễ lược hung sùng, há nỡ trái với chí-hướng của Ngài chăng?

Song trong thiện-tín đã niệm nhớ công đức Ngài cảm-hóa cho hơn sáu trăm triệu dân chúng, đã ru

mầm từ-bi cho các chủng-tộc ở Á-đông, đã đúc một cái tâm lý riêng cho người nước ta, thì thiệt cái lễ kỷ-niệm này, dù có được chút vẻ vang gì, cũng chỉ thỏa được lòng trông mong cho thiện-tín đời phần đó thôi.

Bởi vậy cho nên chỉ trong khoảng hai mươi ngày nay mà nào kẻ hăng sẵn, người hăng tâm, ai nấy hết lòng chung lo tổ-chức cuộc lễ long trọng này, chúng tôi có thể nói rằng cuộc lễ này là của thập phương thiện-tín đó vậy.

Vì thế, như dịp này, tôi lấy lòng thành thiệt cảm tạ chư thiện-tín hết thấy, kẻ xa người gần, kẻ nhiều người ít làm thành cái lễ vui vẻ mà trang-nghiêm hôm nay!

Xét ra một bức nữa, cuộc lễ hôm nay cũng chỉ là sự kết-quả chung cho cái chí-hướng của công chúng.

Xét trong năm bảy năm nay cảnh đời ép bức, người tri-giác không lẽ sống mê chết ngủ, bèn phăng tìm một mối đường để giải nảo tiêu sầu. Con đường ấy chính Phật đã chỉ cho trước hai ngàn năm nay. Đạo Phật mưu hạnh-phúc cho người là tại lý duy-tâm. Tâm ấy là tâm của Phật, nghĩa là tâm sáng có cho cả muôn vật, cho cả vũ-trụ chúng-sanh, chỉ rằng ta không biết sống cách nào cho nó nảy nở ra, ta chỉ bo bo lấy cái thân này, nên không thoát khỏi vòng thay đổi không thường. Ta phải sống theo tâm Phật, ta phải tập mà sống theo tâm Phật, ấy là ta bước xa cái cảnh đau khổ mà đến cảnh tịnh-lạc an thường, ta lại sẽ lấy con mắt chơn-như mà xét việc thế-gian, đem lòng bác-ái mà ở giữa nhiệm-ô.

Hội Phật-Học chúng tôi sáng-lập ra hơn hai năm nay, không ra ngoài mục-dịch ấy, nghĩa là mưu hạnh-phúc cho tin-dò trong sự vui lành có căn gốc.

Chúng tôi thấy số Hội-viên càng ngày càng đông; trong số ấy gồm có những bậc tri-thức, những người thượng-lưu xã-hội, thì cũng đủ tỏ rằng chúng tôi

không lạc đường, mà công nhỏ mọn của chúng tôi cũng không hoài vầy.

Thế là hôm nay tổ chức cuộc lễ Phật-đản này cũng chỉ chiều lòng thiện-tín, mà đã chiều lòng thiện-tín, ắt thỏa được lòng từ-bi của Phật trong muôn một.

Kính có câu: « Phật vị nhưt đại sự nhơn-duyên, xuất hiện ư thế »; gần ba ngàn năm nay, mà Phật đã hiện sanh nơi cõi Ta-Bà này, trải qua lịch-sử “bất-tướng thành đạo”, chỉ cũng vì lòng thương xót chúng sanh đó thôi.

Thưa đại-thần liệt vị, các Cụ lớn đã chán hiều rằng có cải-tạo nhơn-tâm, mới duy-trì trật-tự, mà đạo Phật chính là đạo đề tu tâm, nên chi các Cụ cùng qui Khâm-sứ sẽ chiếu-cổ đến cái Hội vun-bồi nền đạo đức trong nước nhà.

Kính tâu Hoàng-Thượng,

Mùa đông, năm một ngàn tám trăm chín mươi sáu, ở nước Thiên-Trúc, tại hạt Tề-La, giữa khoảng đồng không, gần sông Hằng-Hà, một bên tiếp núi Hi-Mã Lạp-Son, người ta đào thấy một cột trụ đồng có đề mấy chữ này: “*Tại chỗ này, đấng Chi-Giác đã giáng sanh*”. Đấng chí-giác ấy là đức Thích-Ca; cột đồng là của Vua A-Dục dựng đề kỷ-niệm chỗ Phật hiện ra đời.

Trong dịp lễ đản này, chúng tôi ước như là người đồng quận với Phật Thích-Ca, ắt đã đến viếng chỗ Ngài hiển-sinh. Song chúng tôi được Hoàng-Thượng là đấng Vua hiền, đến dự lễ kỷ-niệm đức Phật-Tổ lần đầu trong nước Nam, thật cũng bằng như Hoàng-Thượng đã đức cho đời sau một đồng trụ kỷ-niệm ngàn năm không diệt, nên chi Phật-tử chúng tôi cảm kích muôn phần.

Niệm ơn Hoàng-Thượng, niệm ơn Tôn-Cung, niệm ơn qui Khâm-Sứ, niệm ơn các Cụ Cơ-mật đại-thần, niệm ơn các quan khách, chúng tôi chỉ xin gởi trước Phật một lời rằng:

Nam-mô Bốn sư Thích-Ca-Mâu-Ni-Phật.

Bài giảng của bà sư Thích-Điệu-Viên

Ngày mồng tám tháng tư (10 Mai 1935)

tại chùa Diệu-Đế, Huế.

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Hôm nay ngày kỷ-niệm đức Phật Thích-Ca hóa-sanh, tôi mà được cùng quý bà quý cô diễm giải đạo Phật, thiệt rất hân-hạnh cho tôi lắm.

Song đạo Phật là đạo cao-thượng, lý-nghĩa sâu xa màu-nhiệm, sức học của tôi còn kém thiếu, sở-hành của tôi chưa được bao lắm, nên tôi cũng lấy làm lo sợ: lo là lo cho tôi mới lên giảng-đường lần đầu, mà sợ là sợ trong khi tôi giảng có chỗ không được rõ ràng làm cho quý bà quý cô bớt phần lợi-ích.

Tôi lo sợ thiệt, nhưng vì các bậc tiền-bổi và chị em trong đạo khuyên bảo, lại cũng vì bản nguyện "lợi kỷ lợi tha", nên tôi phải mạnh bạo mà vâng lời, thay mặt phụ-nữ có học Phật, bày tỏ một đôi ý-kiến ra đây, họa chăng giúp ích được vài phần cho toàn-thể phụ-nữ. Nay tôi xin giảng giải về vấn đề: *Lợi ích của Phật-học đối với phái Phụ-nữ*."

Tánh-tình và trách-nhiệm của phái phụ-nữ có ba phần rất cần thiết cho sự tu học:

- 1.) Phụ-nữ đa sầu đa cảm,
- 2.) Phụ-nữ giàu lòng từ-mẫn hiệp với đạo,
- 3.) Phụ-nữ có trách-nhiệm trọng yếu về gia-đình giáo-dục.

1. — *Nói về phụ-nữ đa sầu đa cảm.* — Đàn bà chúng ta sanh ra đã mang theo hột giống đa sầu đa cảm. Tâm trí đã sẵn giống cảm-tình, đối với hoàn-cảnh, gặp phải những sự không may, đứng trước những cảnh khổ-não, lòng chúng ta trăm phần đau đớn; mà đau đớn thì không chỉ cho bằng trong những lúc kể

bắc người nam, người còn kẻ mắt, đã làm cho chị em chúng ta rơi biết bao nhiêu nước mắt.

Trong những lúc đau đớn ấy, chúng ta tự nghiệm hình như không còn gì vui thú với thế-gian này nữa, cho đến cảnh-vật vô-tình kia lúc bấy giờ nó cũng ra chiu lạnh-đạm bơ thờ. Gặp nghịch-cảnh nên tâm sanh khổ-não, mà cảnh-vật cũng hóa ra buồn rầu ; tâm buồn, chị em chúng ta biết nương dựa vào đâu để gỡ cho hết mối sầu, chữa cho lành tâm-bệnh. Trong những lúc chúng ta đã bị giây phiền trói buộc, hoàn-cảnh lại lộ ra vẻ thương tâm, chị em chúng ta muốn vui sâu lấp thắm thì duy có nghiên-cứu triết-lý thâm-huyền của đạo Phật để rõ nguồn gốc sâu khổ vì đâu mà sanh ra, thì mới mong giải bớt nỗi sầu và diệt, lặn những tánh đa sầu đa cảm cho đến khi tiêu sạch, chỉ còn một tánh an-nhiên sáng suốt. Được tánh an-nhiên sáng suốt rồi thì gặp thuận cảnh, tâm cũng yên lặng mà dầu cho gặp nghịch-cảnh cũng vững chí kiên-tâm, không vì nghịch-cảnh mà sanh ra phiền-não.

II. — *Nói về phụ-nữ giàu lòng từ-mẫn hiệp với đạo.* — Người đàn-bà bảo-tánh hay thương xót, hay làm đều lành, rất hiệp với đức-tánh hiền lành sáng có thì đối với cha mẹ là người con hiếu, đối với chồng là người vợ hiền, đối với con là bà mẹ lành, đối với tôi tớ là bà chủ nhơn-đức. Ngoài ra đối với người nghèo kẻ khó, người quen kẻ thuộc đều yêu mến, tận tâm giúp đỡ, việc lành gì cũng làm được cả.

Người hiền đạo Phật bỏ được 10 điều dữ như sau này :

- 1.) Xa-xỉ,
- 2.) Kiêu-căng,
- 3.) Dâm-tà,
- 4.) Nói-dối,
- 5.) Sát-sanh,
- 6.) Tham-lam.

- 7.) Dèm-pha,
- 8.) Hờn-giận,
- 9.) Lừa-gạt,
- 10.) Si-mé.

Mười điều ấy là điều dữ, không bỏ thì khi đương sống thường bị phiền-não và bị người đời ghét bỏ, đến khi chết lại phải sa vào Địa-ngục, chịu các hình phạt khổ-sở.

Đàn-bà sáng lòng từ-thiện, nếu biết học Phật, tin chắc nhưn-quả, bỏ dữ làm lành, bỏ mê theo ngộ, mở rộng lòng từ-thiện cho cùng khắp Pháp-giới thì liền chứng được chơn-tánh.

Dầu chưa chứng được chơn-tánh, nhưng nếu ai ai cũng học Phật thì nhà nhà đều được an vui, không khi nào còn thấy những cảnh gia-đình trở nên cảnh Địa-ngục ở thế-gian này nữa.

III. — Nói về phụ-nữ có trách-nhiệm trọng yếu về gia-đình giáo-dục. — Lời xưa có nói rằng: "Con hư tại mẹ, con nên tại mẹ", là vì tánh hạnh người con thường chịu ảnh hưởng của lối dạy dỗ của bà mẹ. Bà mẹ hiền đức, hiền nghĩa lý, bỏ đều dữ làm việc lành thì cái ảnh-hưởng ấy sẽ thuộc về người con mà người con chắc chắn sẽ thành một người hiền lành đủ nhưn-cách.

Người con ấy tức là một người dân của nước; một người dân đủ nhưn-cách, mười người dân đủ nhưn-cách, dân một nước đủ nhưn-cách, dân các nước đều đủ nhưn-cách, thì thế-giới còn đâu sự xâm-lấn lẫn nhau, cuộc hòa-bình tương-lai há không phải nhờ công đức bà mẹ đó sao? Nếu bà mẹ ham chơi, không có đức hạnh thì người con khi lớn lên, dầu rằng có học-thức, có chức tước nhưng lắm khi phải chịu cái nạn hữu-tài vô-hạnh; kiêu căng khinh người, lấn lướt kẻ nghèo, làm những việc phi-pháp, tự hại mình lại hại đến kẻ khác, làm cho trong nhưn-loại thường xảy ra những sự xôg đột ghê gớm.

Bà mẹ có trách-nhiệm trọng yếu như vậy nên công của bà mẹ cũng lớn, mà tội của bà mẹ cũng nhiều; vì vậy mà phái phụ-nữ cần phải tu tập tánh-hạnh cho hiền hòa, khuyên chồng dạy con theo đường chơn-chánh để bảo-tồn luân-lý và bồi-bổ nền đạo đức nước nhà.

Muốn tu tập tánh hạnh cho hiền hòa thì phụ-nữ cần phải tu học theo đạo lý nhà Phật là một đạo lý rất chơn-chánh, rất từ-bi đã sẵn có ở xứ ta, lại đã tiềm-nhiễm vào phong-tục xứ ta hơn một ngàn năm nay rồi.

Nói tóm lại trong ba điều đó, điều nào cũng cần cho phụ-nữ chúng ta phải chuyên tâm học Phật.

Đạo Phật từ-bi quảng-đại, đủ cương-thường luân-lý lại chia ra từng bậc rất phân-minh, tùy tâm trí ta về bậc nào thời hiểu mà tu theo bậc ấy. Người nào còn vướng gia-đình bó buộc, thời giữ ngũ-giới, tu thập-thiện, mình niệm Phật, khuyên chồng con niệm Phật để hưởng hạnh-phúc đời này và đời sau; người nào gặp cảnh-ngộ chẳng may, tâm sanh sầu khổ thời chuyên tâm niệm Phật để phá lòng sầu khổ; người nào trí-thức rộng, rõ cuộc đời hư-vọng vô-thường, muốn thoát vòng sanh tử thời tham học tu niệm cho đến kỳ cùng, trước giác ngộ người sau giác ngộ mình; phụ-nữ bậc nào cũng học Phật được cả.

Học Phật, lay Phật khác nhau; lay Phật là cảm ơn-đức Phật, còn học Phật là gần gũi bậc thiện trí-thức, học kinh luật, nghiên-cứu Phật-Pháp để tu tập.

Phật-Pháp như tôi đã nói trước, là tối cao, tối vi diệu, là những phương-pháp để tu tập cho khỏi các khổ sanh, lão, bệnh, tử. Phương-pháp thời nhiều song có pháp niệm Phật là thông-thường dễ học và dễ tu hơn hết.

Phép niệm Phật đủ sự đủ lý:

1.) *Sự niệm Phật.* — Xưa đức Phật A-Di-Đà phát 48 lời nguyện cứu độ chúng-sanh; ngài có thể rằng: ai tin-ngưỡng Phật, dứt lòng phiền-não chuyên tâm niệm Phật, đương khi sống Phật ứng hộ cho, đến khi lâm-chung Phật dắt diu về Tịnh-Độ, là một cõi trang-nghiêm an-lĩnh, có Phật thuyết-pháp lại có các vị Bồ-Tát chỉ dẫn đường tu, rất là vui vẻ.

Niệm Phật không luận người xuất-gia, người tại-gia, người đi buôn, người làm thợ, người giàu, người nghèo, ở vào địa-vị nào mà tin chắc lời nguyện của đức A-Di-Đà, chuyên tâm niệm Phật, hằng ngày tưởng đức từ bi hi-xa cứu Phật mà bỏ hết tánh tham, sân, si, rồi cho sạch lòng nhân ngã, thời các người ấy sự nghiệp sẽ được vững bền, ăn làm chắc chắn, dầu có việc gì bối rối lo phiền đã có Phật gia hộ, và đến khi lâm-chung lại được vắng-sanh về cực-lạc thế-giới, hưởng phước đời đời.

2.) *Lý niệm Phật.* — Tâm của chúng ta hằng ngày bị ba món tham, sân, si quấy rối, trọn ngày không lúc nào là được an-tĩnh, mà lại thường bị hoàn-cảnh xúc động sanh ra buồn, vui, giận, oán; ấy cũng vì vọng-niệm nên hóa ra vậy. Đương lúc vọng-niệm sôi nổi ta phải níu các tâm-niệm vào câu niệm Phật, cốt để cho tâm ta được an-tĩnh. Tâm mà được an-tĩnh thì gặp cảnh sầu khổ cũng không rối trí, gặp việc vui mừng cũng không say mê quá độ. Tâm được an-tĩnh thì trí được sáng suốt, ra làm công việc ở thế-gian mới hoàn toàn viên-mãn. Huống chi Phật tức tâm, tâm tức Phật. Tâm-thể của ta cũng như tâm-thể các đức Phật, lẽ nào ta phụ Phật-tánh của ta, trọn ngày quây quần theo cảnh-vật, chẳng một phút nào chịu tìm Phật-tánh của ta, nỡ để cho mãn vô-minh che lấp tánh viên-minh vậy.

Bản tánh viên-minh thanh-tịnh tức là tự-tánh A-Di-Đà, tức là tự-tánh của chúng ta.

Người thượng căn thượng trí, đã biết chúng ta sẵn có tự-tánh A-Di-Đà, thời phải chuyên tâm niệm Phật để tham cho tới nguồn gốc và chứng được Phật-tánh.

Thưa quý bà, quý cô,

Kết-luận bài này, tôi xin quý bà quý cô ai ai cũng niệm Phật, trước là để tìm tự-tánh hoàn toàn sáng suốt của ta, sau là cầu Phật hộ-tri cho chúng ta và tất cả chúng-sanh đồng thành Phật-quả.

Bài giảng đến đây là vừa hết tôi xin quý bà quý cô cùng tôi nhứt tâm đồng niệm :

Nam-mô A-Di-Đà-Phật.

ĐẠI-Ý KINH THỦ-LẶNG-NGHIÊM

(Tiếp theo)

Phật do nơi kiên-tĩnh mà chỉ rõ Như-lai-tạng

(Tánh thấy không sanh không diệt)

 Ng A-Nan và đại-chúng nghe Phật khai-thị đã ngộ biết bấy lâu nhận lầm sự phân biệt bóng dáng của tiền-trần là tâm và ngộ biết chơn-tâm vẫn không thêm bớt, vẫn không lay động; tuy ngộ như vậy, nhưng một bên chơn-tâm, một bên vọng-tâm còn đối đãi với nhau sờ sờ, chưa dung-hiệp được, nên cầu xin Phật, chính nơi thân-tâm lưỡng đối sanh diệt, chỉ rõ cái tánh bất-sanh-diệt.

Lúc ấy trong thính chúng, có vua Ba-Tư-Nặc, hiện đã 62 tuổi; vua bèn thề theo lòng từ-bi của Phật, phổ bày cái thân thay đổi, già yếu giữa đại-chúng, để cho Phật nhưn đó, chỉ rõ cái tâm không sanh diệt.

Phật gạn hỏi vua Ba-Tư-Nặc để cho vua xét biết sự dời đổi của xác thịt từ chỗ thô-siêng cho đến chỗ nhỏ-nhiệm, chia ra khi nhỏ, khi lớn, khi trẻ, khi già, từ kỷ, từ năm, từ tháng, từ ngày, từ giờ, từ phút, suy nghiệm cho biết cái xác thịt kia, trong mỗi sát-na, mỗi niệm, thường thường thay đổi.

Phật lại nhưn nơi vua Ba-Tư-Nặc tuy già mà con mắt còn tỏ, nhưn nơi cảnh sông Hằng nước thường đầy nhầy mà chỉ rõ tánh thấy vốn không thay đổi, vốn không già trẻ.

Chúng ta hãy tự nghiệm, hiện nay chúng ta nhắm mắt thì thấy tối đen, lúc nhỏ, chúng ta nhắm mắt cũng thấy tối đen, cái thấy tối đen đó thật không thay đổi chút nào.

Cầm một viên đường và một hòn sạn bỏ vào ly nước; viên đường thay đổi lần lần thời phải tiêu mất, hòn sạn không thay đổi thời chắc không lẽ tiêu mất theo viên đường; vậy thì biết cái tánh không thay đổi trong thân chúng ta chắc không theo cái thân thay đổi này mà biến diệt.

Đoạn văn này đủ phá lý-thuyết đoạn-diệt của bọn Mạc-Già-Lê, bọn Ca-Chiên-Điên, Tỳ-La-Chi-Tử. Đời nay lắm nhà khoa-học cũng chấp lý-thuyết đoạn-diệt, tự nghĩ đã phát-minh một sự mới mẻ và cho người xưa là mê-tín, mà không biết hơn, 3000 năm về trước đã có người phát-minh lý-thuyết đoạn-diệt một cách rõ rệt rồi, một lý-thuyết mà Phật đã bài-bác một cách rất hoàn-mãn.

Bình-tâm mà nghiệm, nếu không có tánh không thay đổi thì chúng ta nương vào đâu mà biết có trẻ, có già, có thay, có đổi.

Tánh không sanh không diệt là một tánh của Như-lai-tạng-tâm ;

Người học đạo có nhận rõ tánh không sanh-diệt, mới phát chí nguyện rộng lớn và vượt ra ngoài vòng hạn-chế của thời-gian được.

Vua Ba-Tư-Nặc và đại chúng nhận được tánh không sanh-diệt, tự biết bề bỏ thân này thì sang qua thân khác, vui mừng hơn hờ như một người đã uống thuốc trường-sanh. Vẫn biết bỏ một thân sang qua một thân là sanh-diệt, nhưng cái tánh sang qua thân này, thân khác mãi mãi, quyết không phải là sanh-diệt. Tánh ấy chỉ có thể tự ngộ chứ không thể chỉ bày được ; ở nơi con mắt thì gọi nó là thấy, ở nơi lỗ tai thì gọi nó là nghe, ở nơi ý-chí thì gọi nó là biết ; chứng được tánh ấy là minh-tâm kiến-tánh ; không chứng được thì dầu học đến đâu, dầu hiểu đến đâu cũng chỉ trong vòng vọng tưởng.

Đoạn văn này vì ông A-Nan nghe Phật quở ông bỏ mất chơn-tâm, ngộ biết sự lỗi lầm, nhưng còn tưởng chơn-tâm và vọng-tâm hai cái khác nhau, nên Phật tùy duyên, chính nơi thân sanh-diệt của vua Ba-Tư-Nặc mà chỉ rõ tánh bất-sanh-diệt. Tánh bất-sanh-diệt vẫn sáng sủa, chỉ vì mê không nhận biết, nên Phật phương-tiện gọi là bỏ mất chơn-tâm đó thôi ; thiệt ra dầu thế nào cũng không ngoài chơn-tâm, dầu thế nào cũng không bỏ mất chơn-tâm được.

(còn nữa)

VIÊN-ÂM

經 演 音

首 楞 嚴 經

續

阿難即從座起，禮佛合掌，長跪白佛：「世尊，若此見聞必不生滅，云何世尊名我等輩遺失真性，顛倒行事？願興慈悲洗我塵垢。」

即時如來垂金色臂，輪手下指，示阿難言：「汝今見我母陀羅手爲正爲倒？」

阿難言：「世間衆生以此爲倒，而我不知誰正誰倒。」

佛告阿難：「若世間人以此爲倒，即世間人將何爲正？」

佛即豎臂，告阿難言：「若此顛倒，首尾相換，諸世間人一倍瞻視，則知汝身與諸如來清淨法身，以類發明，如來之身名正。徧知汝等之身，號性顛倒，隨汝諦觀，汝身佛身，稱顛倒者，名字何處號爲顛倒？」

於時阿難與諸大眾，瞪骨瞻佛，目睛不瞬，不知身心顛倒所在。

佛興慈悲，哀愍阿難及諸大眾，發海潮音，徧告同會：「諸善男子，我常說言：色心諸緣及心所使，諸所緣法，唯心所現。汝身汝

心皆是妙明真精妙心中所現物，云何汝等遺失本妙圓妙明心寶明妙性，認悟中迷？

晦昧爲空，空晦暗中，結暗爲色，色雜妄想，想相爲身，聚緣內挫，趣外奔逸，昏擾妄相，以爲心性，一迷爲心，決定惑爲色身之妙，內不知色身外洎山河，虛空大地，咸是妙唯明真心中物，譬如澄清百千大海，棄之即認一浮漚體，目爲全潮窮盡羸渤，汝等即說是迷中倍人，如我垂手等無差別，如來說爲可憐愍者。”

(未完)





KINH DIỄN ÂM

THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH (SURAMGAMA)

(TỤC)

A-Nan tức từng tọa khi, lễ Phật hiệp chưởng, trường quỳ bạch Phật : “Thê-Tôn, nhược thử kiên văn tất bất sanh diệt, văn hà Thê-Tôn danh ngã đẳng bởi di thất chơn-tánh, diễn đảo hành sự? Nguyên hưng từ-bi tẩy ngã trần-câu”.

Tức thời Như-lai thùy kim sắc tỷ, luận thử hạ chỉ, thị A-Nan ngôn : “Nhữ kim kiên ngã Mậu-đà-la thủ vi chánh, vi đảo?”

A-Nan ngôn : “Thê-gian chúng sanh di thử vi đảo ; nhi ngã bất tri thùy chánh, thùy đảo.”

Phật cáo A-Nan : “Nhược thê-gian nhưn di thử vi đảo, tức thê-gian nhưn tương hà vi chánh?”

A-Nan ngôn : “Như-Lai thụ tỷ, Đâu-la-miên thủ thượng chỉ ư không, tác danh vi chánh.”

Phật tức thụ tỷ, cáo A-Nan ngôn : “Nhược thử diễn đảo thủ vi tương hoán, chư thê-gian nhưn nhưt bội chìm thị. Tác tri như thân dữ chư Như-Lai thanh-tịnh pháp thân, tỷ loại phát minh, Như-Lai chỉ thân danh chánh-biên-tri, như đẳng chỉ thân hiệu tánh diễn đảo ; tùy như đề quán như thân Phật thân, xưng diễn đảo dã, sanh từ hà xứ hiệu vi diễn đảo?”

U^o thời A-Nan dữ chư đại chúng trừng mông chiêm Phật, mục tình bất thuận, bất tri thân tâm diên đảo sở tại.

Phật hưng từ bi ai^o mẩn A-Nan cập chư đại chúng, phát hải-triêu-âm biên cáo đồng hội : “Chư thiện-nam-tử, ngã thường thuyết ngôn : Sắc tâm chủ duyên cập tâm sở sử, chủ sở duyên pháp, duy tâm sở hiện. Như thân như tâm giai thị diệu-minh-chơn-tinh-diệu-tâm trung sở hiện vật ; vãn hà như đẳng di thất bản-diệu-viên-diệu-minh-tâm bảo minh-diệu-tánh, nhận ngộ trung mê !

Hồi nưội vi không ; không hồi ám trung, kiệt ám vi sắc ; sắc tạp vọng-tướng, tướng tương vi thân ; tụ duyên nội diêu, thú ngoại môn nhật, hôn nhiều nhiều tương di vi tâm tánh. Nhứt mê vi tâm, quyết định hoặc vi sắc thân chi nội, bất tri sắc thân ngoại kỳ sơn hà, hư-không, đại địa, hàm thị diệu-minh-chơn-tâm trung vật ; thị như trừng thanh bách thiên đại hải, khí chi, duy nhận nhứt phù âu thể, mục vi toàn triêu cùng tận dinh bột ; như đẳng tức thị mê trung bội nhơn, như ngã thùy thủ đẳng vô sai biệt ; Như-Lai thuyết vi khả lân mẩn giả.”

(Vi hoàn)

KINH DIỄN NGHĨA

KINH THỦ-LĂNG-NHIÊM (SURAMGAMA)

(tiếp theo)

Ông A-Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật xấp tay qui gối bạch Phật: "Thưa Thế-Tôn, như cái thấy cái nghe kia hẳn không sanh diệt, làm sao Thế-Tôn lại bảo rằng chúng tôi bỏ mất chơn-tánh, làm việc trái ngược? Xin Phật mở lượng từ bi rửa sạch trần-câu (1) cho chúng tôi".

Liền khi ấy, đức Như-Lai duỗi cánh tay sắc vàng, ngón tay ngũ-luân (2) chỉ xuống, khai-thị cho ông A-Nan rằng: "Hiện nay ông thấy tay Mẫu-đa-la (3) tôi là chánh hay đảo (4)?"

Ông A-Nan thưa: "Chúng sanh ở thế-gian gọi thế là đảo, nhưng tôi chẳng biết thế nào là chánh, thế nào là đảo".

Phật bảo ông A-nan: "Đức Như-Lai đưa cánh tay lên, tay Đầu-la-miên chỉ lên trên không thì họ mới gọi là chánh."

Phật liền dơ cánh tay lên và bảo ông A-Nan rằng: "Cái chánh, cái đảo, đầu đời làm dưới như kia; người ở thế gian xem lập hai lần mà thấy thế. So theo đó mà phát-minh thì biết rằng thân của ông và thanh-

1. Trần-câu nghĩa là bụi nhớp, tức là những sự mê lầm làm cho tâm phật mờ tối.

2. Ngũ-luân: tương tức đầu ngón tay Phật.

3. Mẫu-đa-la: Mudra, nghĩa là ấn, tay dùng để kết ấn hoặc khai-thị thì gọi là tay Mẫu-đa-la

4. Đảo: nghĩa là trái, là ngược.

tịnh pháp-thân (5) của chư Phật cũng như vậy : Pháp-thân của Như-lai thời gọi là chánh-biến tri, (6) thân của các ông thời gọi tánh-diễn-đạo (7); ông bầy chín xét thân ông với thân Phật, thân ông mà gọi rằng diễn đạo là vì những gì nên gọi nó là diễn đạo ? »

Khi ấy ông A-Nan cùng trong đại-chúng chăm chăm ngó Phật, trông con mắt không lay động, chẳng biết chỗ nào là chỗ diễn đạo của thân tâm.

Phật giẫy lòng từ bi, thương xót ông A-Nan cùng trong đại-chúng, phát tiếng hải-triều(8), khắp bảo cả chúng hội : “Các thiện nam-tử, tôi thường nói rằng : các duyên về sắc(9), về tâm(10) và các tâm-sở(11), các pháp sở duyên (12) đều duy-tâm(13)biến hiện; thân ông, tâm ông đều là vật phát-hiện trong điều-minh-chơn-tinh-diệu-tâm(14), sao các ông lại bỏ mất tánh minh-diệu (15)

5. *Thanh-tịnh pháp-thân* : Phật lấy pháp-giới-tánh làm thân nên gọi là pháp thân. Pháp giới tánh không ngã, không pháp, không sanh, không diệt nên thanh-tịnh.

6. *Chánh-biến-tri* : biết tất cả các pháp một cách trọn chánh, nên gọi là chánh-biến-tri.

7. *Tánh diễn-đạo* : diễn đạo là trái ngược, trái với trọn như thiệt tánh, nên gọi là tánh diễn đạo.

8. *Hải triều* : là làn nước biển.

9. *Sắc* : chỉ về lục căn, lục trần.

10. *Tâm* : chỉ về tâm vương của bát thức.

11. *Tâm sở* : chỉ về 51 món tâm sở.

12. *Các pháp sở duyên* : là nói tóm các Pháp khác, như bất-tương-ưng hạnh pháp, vô-vi pháp, vân vân.

13. *Duy-tâm* : các pháp tức là tâm, ngoài tâm không có các pháp nên gọi là duy tâm.

14. *Điều minh trọn tinh diệu tâm* : trọn tâm nhiệm mầu, sáng suốt, trọn thật.

15. *Minh-diệu* : trọn tâm tạo thành các pháp nên gọi là diệu, soi rõ các pháp nên gọi là minh.

sắc quý báu của bản-diệu-viên-diệu-minh-tâm (16), nhận cái mê trong ngộ? (17)

Mê muội tạo thành (18) hư không (19), trong hư-không của mê muội ấy kết cái mê muội lại làm ra có sắc (20); sắc xen với vọng-tướng (21); tướng của vọng-tướng làm ra thân, nhóm các duyên (22) lung lay ở trong, theo hoàn-cảnh dong ruổi bề ngoài; cái tướng mờ mịt lằng xằng (23) kia, lầm nhận nó là tâm tánh. Một phen làm cái ấy là tâm, thì quyết định lầm rằng tâm ở trong sắc-thân, mà chẳng biết sắc-thân cho đến núi, sông, hư-không, đại-dịa bề ngoài đều là vật ở trong diệu-minh-chơn-tâm; ví như bỏ cả trăm, ngàn biển lớn trong lặn, chỉ nhận cái thềm một bọt nước, rồi cho rằng đó là nước của tất cả các biển. Các ông thật là người mê trong mê (24), như cánh tay chỉ xuống của tôi không sai không khác, Như-Lai gọi rằng đáng thương xót lắm."

(Còn nữa)

VIÊN-ÂM

16. *Bản-diệu-viên-diệu-minh-tâm*: Bản-tánh của chơn-tâm là minh-diệu, xưa nay như một, thánh phàm không hai, chỉ vì mê nên không biết đó thôi.

17. *Nhận cái mê trong ngộ*: Chơn-tâm minh-diệu sáng có không chịu nhận, lại nhận cái vọng-tướng mê lầm, nên gọi là nhận cái mê trong ngộ.

18. *Mê muội tạo thành*: Pháp-giới vẫn là chơn-như, vẫn là duy-tâm, mê không biết, nên tạo ra có pháp này pháp khác.

19. *Hư-không*: trống không, không có tướng.

20. *Sắc*: có hình trạng, có tướng.

21. *Vọng-tướng*: Tướng sai lầm không đúng với sự thật.

22. *Các duyên*: là các món cảm-xúc, tư-tướng, văn-vân.

23. *Cái tướng mờ mịt lằng xằng*: là cái tướng của vọng-tướng, mê không biết chơn-tính nên mờ mịt, lung lay theo trần-duyên dong ruổi theo hoàn-cảnh nên lằng xằng.

24. *Người mê trong mê*: Không biết chơn-tâm đã là mê, nhận lầm vọng-tướng làm tâm thì lại mê thêm một tầng nữa nên gọi là người mê trong mê.



IV. — BIỆT-KHAI PHƯƠNG-TIÊN

A. — Thê-gian thuyết

Đâu là Thiên-đường, Địa-ngục?

Đâu là Thiên-đường, Địa-ngục? Câu hỏi ấy là câu hỏi ở đầu môi của mọi người đối với các nhà Tôn-giáo. Họ hỏi là vì họ thấy có chữ Thiên, chữ Địa; thiên là trời, là cái xanh xanh ở trên, địa là đất, là cái mù mịt ở dưới. Trên xanh xanh chỉ thấy những sao là sao ở giữa hư-không, có chi đâu mà gọi là Thiên-đường; ở dưới đất, đào ra những đất những đá, đến mạch nước, đến địa-trung-hỏa là cùng, nào thấy chi là Địa-ngục; thảo nào mà họ không nghi hoặc!

Nghi hoặc thì cần phải giải quyết. Đạo Phật vẫn chú-trọng về phép xuất-thế-gian, không chú-trọng về lý-thuyết Địa-ngục, Thiên-đường cho mấy; nhưng về lối nghiệp-quả báo ứng thì Phật cũng có dạy: những người giàu tư-tưởng thời lên các cõi trời, những người nhiều tình-dục thì sa vào Địa-ngục. Đạo Phật đã nói có chư Thiên, có Địa-ngục thì vấn đề «Thiên-đường, Địa-ngục», chẳng lẽ bỏ qua....

Riêng về đạo Phật, thì Thiên-đường, Địa-ngục là những cảnh-giới do nghiệp lực biến hiện: Nghiệp lành thì hiện ra cảnh-giới vui vẻ, nghiệp dữ thì hiện ra cảnh-giới khổ sở, chứ không chỉ khác. Chúng ta còn trong nghiệp người, cái thấy nghe hay biết của chúng ta chỉ cuộc vào cảnh-giới người, nên không thể biết được cảnh-giới nghiệp khác đó thôi. Nhưng nếu xét cho chín, nghĩ cho kỹ, thời chính trong đời này mà tùy theo tâm-trí của mình, Địa-ngục, Thiên-đường vẫn hiện ra minh bạch.

Xưa có câu: «Người tri-túc 知足 tuy nằm dưới đất cũng là an vui, người bất-tri-túc 不知足 dầu ở Thiên-đường

cũng chẳng đẹp ý ! Tri-túc, an-vui thì đâu lại chẳng phải là Thiên-đường ; bất-tri-túc, chẳng đẹp ý thì đâu chẳng phải là Địa-ngục !

Kìa những người trong lòng tham-dục, dong ruổi theo vọng-tưởng giả danh, được một thì cầu hai, được hai thì cầu năm, bảy, lòng dục-vọng mỗi ngày mỗi tăng-tưởng, biết bao giờ cùng tốt ; rồi giây phiến thất ruột, lửa dục cháy gan, nào giọt lệ thương tâm, nào lưỡi dao oan nghiệt, đều là những kết quả khổ sở đau đớn của sự tham-dục mà ai ai cũng đã từng tai nghe mắt thấy. Khổ vẫn khổ thiệt, nhưng khổ là vì trong tâm thường bất-mãn, nên ngoại-cảnh quá hưng hờ, dầu cửa cao nhà tốt, gấm dệt vóc thêu cũng biến ra cảnh Địa-ngục.

Trái lại, nếu biết vinh-ba phú-quí hay bần-tiện hàn vi đều do tự-tâm biến-biện; tự-tâm gây ra nhơn, tự-tâm tạo ra quả, nhơn cũng là tâm mà quả cũng là tâm, thì giàu sang cũng không kiêu-cần, mà dầu có bần tiện đi nữa cũng vẫn an-cư lạc-nghịệp. Biết như vậy thì lúc nào cũng vui, cảnh nào cũng vui, vui cho đến nỗi quên cả các sự khổ, dầu vách xiêu nhà dột cũng vui vẻ như Thiên-đường không khác.

Người vui thì cảnh buồn cũng hóa ra vui, người buồn thì cảnh vui cũng hóa ra buồn; hễ tri-túc làm lành thì đâu đâu cũng là Thiên-đường, tham-cầu làm dữ thì đâu đâu cũng là Địa-ngục.

Thế mới biết Thiên-đường cũng là tâm, Địa-ngục cũng là tâm, một tâm mà sinh ra hai ngã, chúng ta nên ở ngã nào ?

Chỉnh-Túc





B. — PHẬT HỌC DỊ GIẢI

A-DI-ĐÀ PHẬT (tiếp theo)

ÔN MƯƠI TÁM LỜI NGUYỆN CỦA ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ

1. — Khi tôi thành Phật thì trong cõi nước tôi không có các loài : Địa-ngục, Súc-sanh, Ngạ-quỉ ; nếu không dặng như vậy, thì tôi quyết chẳng thành Phật.

2. — Khi tôi thành Phật, trong cõi nước tôi, hoặc tôi, hoặc người không thể đọa vào Địa-ngục, Súc-sanh, Ngạ-quỉ ; nếu không dặng như vậy, quyết chẳng thành Phật.

3. — Khi tôi thành Phật, thân-thể loài người và chư thiên trong nước đều đồng một sắc như vàng ròng ; nếu không dặng như vậy, quyết chẳng thành Phật.

4. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước diện-mạo như nhau cả ; nếu có người đẹp xấu, quyết chẳng thành Phật.

5. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước đều biết kiếp trước của mình ; nếu có người không biết được việc trong ngàn ức vô số kiếp, quyết chẳng thành Phật.

6. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước đều dặng thiên-nhân ; nếu có người không được trăm ngàn ức vô số Phật-độ, quyết chẳng thành Phật.

(Còn nữa)
VIÊN-ÂM

C. — PHẬT-GIÁO VẤN ĐÁP

Hỏi. — Hiện bây giờ tôi muốn tu thời phải tu cái thế nào?

Đáp. — Ông cứ tu theo câu: « *Chư ác mạc tác, chủ thiện phụng hành* » 諸惡莫作 眾善奉行 là được.

H. — Câu ấy nghĩa là gì?

Đ. — Câu ấy nghĩa là: « *Các việc dữ quyết không làm, các việc lành quyết định làm* ».

H. — Tôi tưởng cái chi lạ chớ cái lối « bỏ dữ làm lành », con nít cũng biết, cần gì phải tu tập?

Đ. — Ông nói phải đấy, nhưng tuy con nít ba tuổi cũng có thể biết mà ông già tám mươi tuổi chưa chắc làm theo được.

H. — Tôi thiết tưởng việc lành việc dữ không nhất định; tùy theo phong-tục cùng một việc mà nầy cho là việc lành, xứ khác lại cho là việc dữ; bèn nường vào đâu mà tu tập?

Đ. — Tôi cũng vẫn biết vậy, nhưng tùy theo địa phương mình làm những việc mà ở trong xứ mình đều có nhận là việc lành là được. Nói rõ ra thì việc gì có ích lợi cho chúng sanh là việc lành, việc gì có tổn hại cho chúng sanh là việc dữ.

H. — Trông chúng sanh ý tưởng mỗi người mỗi khác, mỗi loài mỗi khác, lắm khi cái lợi của người nầy tức là cái hại của người kia, cái lợi của loài nầy tức là cái hại của loài khác. Ví như thấy con chồn bị bắt, thương hại, mua về phóng sanh, nào hay đâu phóng sanh mà con chồn về sau sẽ làm hại chó biết bao nhiêu sức?

Đ. — Chúng sanh còn mê theo ngã-chấp, sao có khỏi lẫn nhau, giết nhau, ăn thịt nhau; người làm lành không nên chấp nê những chỗ ấy, miệng chê người sanh nào có duyên gặp mình thì mình cứu vớt mà thôi.

H. — Phỏng như ra đường gặp một người bị bầy g đốt, thì có nên giết nhiều chúng sanh mà cứu một chúng sanh là người kia không?

Đ. — Làm lành phải tùy theo địa-vị, hiện nay địa-chúng ta là người thì loài người là *thân*, loài ong *sơ*. Người bị nạn gặp chúng ta trông cậy chúng ta ra tay cứu vớt, thời chúng ta phải ra tay cứu t, nhưng cũng phải giữ từ-tâm, đừng sát hại lẫn. Như chúng ta làm ong, thời chúng ta ắt phải êm nhiên tọa thị, chớ không thể dèp ong mà cứu người được.

H. — Nếu như chúng ta làm chư-thiên thì sao?

Đ. — Làm chư-thiên thì tất nhiên phải cứu người, tánh tình người gần tánh tình chư-thiên hơn tánh của ong. Vì tánh tình có gần có xa nên tuy cũng giết một tội sát sanh mà người giết một con bò thì có phần ác hơn người giết một con heo.

H. — Nhưng nếu thấy người đốt tổ ong thời phải làm thế nào?

Đ. — Phải khuyên can, phải can trở hết sức, nhưng không nên vì ong mà hại đến người.

H. — Đạo Phật chú-trọng về tuyệt-đối, làm sao lại có thân, có sơ, có lành, có dữ?

Đ. — Đạo Phật vẫn chú trọng về tuyệt-đối, nhưng đến chỗ tuyệt-đối thời sanh tử cũng không có, cũng chỉ là chúng-sanh! Ngặt vì chúng sanh mê tuyệt-đối, thấy có mình, có người, có lành, có dữ, có thân, có sơ, nên phải tùy theo cơ cảm của chúng sanh mà làm lành bỏ dữ.

H. — Nói vậy thì tu theo câu: « *Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành* » là lối tu đối đãi, chớ nào là lối tu chơn-chánh của đạo Phật?

Đ. — Đối-đãi không ra ngoài tuyệt-đối, tuyệt-đối không ra ngoài đối-đãi; tuyệt-đối có đối-đãi thời tuyệt-đối mới bình-đẳng viên-dung, đối-đãi có tuyệt-đối thời

đối-dãi mới hoàn-toàn công đức. Trong khi ông khó làm việc dữ, ông xét rõ nguồn gốc của sự dữ ấy, dứt trừ cho đến khi thân không thể làm việc dữ, miệng không thể nói lời dữ, ý không thể nghĩ đến dữ. Trong khi ông làm việc lành, ông cũng xét những nguồn gốc của việc lành mà tu tập cho đến khi thân có cử động là lành, miệng có hở môi là lành, ý có suy nghĩ là lành; trong tâm ông không còn những tánh dữ là tánh chủng sanh, chỉ còn những tánh lành là tánh của Phật, thì làm sao ông lại không thành Phật.

(Còn nữa)

VIÊN-ÂM

PHỔ - CÁO

Có nhiều độc giả hỏi mua Viên-âm từ số 1, nhưng vì Nguyệt-san ra đã trọn năm, những số còn lại không đủ, nhứt là số 3.

Vậy chúng tôi xin phép còn số nào thì gởi số ấy, khi nào tái bản sẽ gởi thêm cho đủ số.

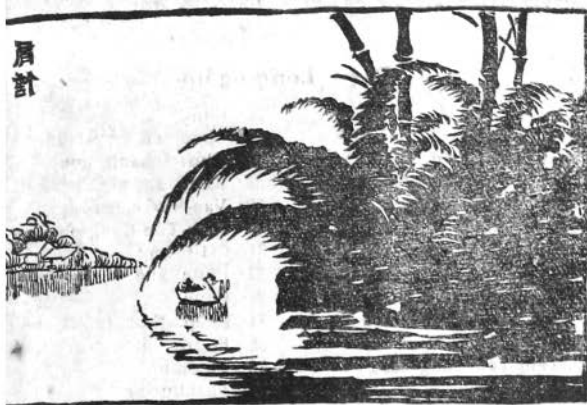
Xin các ngài vui lòng. Cám ơn.



XIN CHÚ Ý

Xin các ngài cứ đếm từ số 13 đến số 24 là mãn một năm.

VIÊN-ÂM



D. — THI-LÂM

Các bài hát của Đồng-ấu trong
dịp lễ Khánh-dân :

Điều Phú-lục :

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| Mừng thấy | 18. Trăm họ |
| Thánh-giá | 19. Đều vui vầy |
| Mới quang-lâm | 20. Tuân lời Phật rày |
| Cửa Thuyền, | 21. Tham, sân, ác chớ nên gây |
| Đặng muôn phần vẽ vang. | 22. Dốc chí theo lành |
| Nền Phật-Giáo | 23. Biết tu hành thêm hay |
| Thêm mỡ mang, | 24. Đồng xin cầu nguyện |
| Bài sen | 25. Nhà nước an |
| Trống lên huy-hoàng, | 26. Bốn bề |
| Chủ-tọa | 27. Bốn bề thái-bường |
| Nhờ ơn ngài | 28. Đạo-trường |
| Dắt diu mọi người | 29. Năm thêm rõ ràng |
| Khỏi lầm bước chốn mê sai. | 30. Vững-vàng |
| Thoát nẻo luân-hồi, | 31. Tắm lòng thành thập phương |
| Thoát luân-hồi mới thôi. | 32. Ngày Phật-dân |
| Trên Thánh-Thương | 33. Thêm mỹ-quang. |
| Nhơn sâu đức dày | |

Điệu Long-ngâm:

- | | |
|--|---|
| 1. Nay <u>nhơn</u> lễ | 25. Cung |
| 2. <u>Cùng</u> - <u>đường</u> | 26 ² . Chúc lên <u>cửu-trùng</u> |
| 3. Đức <u>Thế-Tôn</u> , | 27. <u>Nhơn</u> chánh <u>cùng</u> |
| 4. <u>Mừng</u> trong ngày <u>Khánh-dẫn</u> , | 28. <u>Khấp</u> xa <u>gần</u> , |
| 5. <u>Ơn</u> <u>Thánh-Hoàng</u> | 29. <u>Vạn-thọ</u> vô-cương |
| 6. <u>Giá</u> <u>ngự</u> <u>giá</u> | 30. <u>Tam-Tôn-Cung</u> <u>thường</u> |
| 7. <u>Quang-lâm</u> <u>đàng</u> <u>tràng</u> | 31. <u>Cát-tường</u> |
| 8. <u>Rủ</u> <u>ràng</u> | 32. <u>Phúc</u> <u>huệ</u> vô-lương. |
| 9. <u>Huy-hoàng</u> | 33. <u>Chúc</u> |
| 10. <u>Nếp</u> <u>xiêm</u> <u>vàng</u> <u>Nghiêu-Thuần</u> | 34. <u>Pháp</u> , <u>Nam</u> <u>lương-triều</u> , |
| 11. <u>Mừng</u> | 35. <u>Phước</u> <u>diên-trường</u> |
| 12. <u>Tam-Tôn-Cung</u> <u>sắc</u> | 36. <u>Thiên-bạ</u> |
| 13. <u>Chị</u> <u>Bồ-Đề</u> | 37. <u>Thái-bường</u> |
| 14. <u>Vững</u> <u>bền</u> . | 38. <u>Thái-bường</u> . |
| 15. <u>Hội</u> | 39. <u>Nguyễn</u> |
| 16. <u>Phật-Học</u> | 40. <u>Cầu</u> <u>nguyên</u> |
| 17. <u>Chúng</u> | 41. <u>Đồng</u> <u>dặng</u> |
| 18. <u>Tôi</u> <u>đồng</u> | 42. <u>Tường</u> <u>Chơn-lý</u> |
| 19. <u>Dưới</u> <u>ngai</u> <u>rồng</u> | 43. <u>Thoát</u> |
| 20. <u>Một</u> <u>lòng</u> <u>cung</u> <u>kinh</u> | 44. <u>Lưới</u> <u>vô-minh</u> |
| 21. <u>Số</u> <u>nghiêu</u> <u>đam</u> | 45. <u>Chứng</u> <u>tâm-lánh</u> |
| 22. <u>Xin</u> <u>cúi</u> <u>đàng</u> | 46. <u>Bất</u> <u>tư</u> <u>nghi</u> |
| 23. <u>Dàng</u> <u>đôi</u> <u>lời</u> | 47. <u>Từ-bi</u> |
| 24. <u>Chúc</u> <u>mừng</u> | 48. <u>Độ</u> <u>sanh</u> <u>thành</u> <u>chánh</u> |

Điệu Dạng-dân-cung;

1. Vui mừng gặp ngày nay
2. Mừng tâm thắng tư
3. Là Khánh-liết
4. Phật THÍCH-CA ngài
5. Thị-hiện về Ca-Tỳ-La-Vệ
6. Trong dời khổ vạn sức từ-bi
7. Dây công-đức
8. Độ chúng tam-thú
9. Vượt vòng vô-minh triền-phước
10. Chơn-tâm rõ bày
11. Chúng tôi một lòng xin
12. Quy-y Phật-Đà.
13. Vui mừng gặp ngày nay
14. Mừng tâm thắng tư....

Điều Lưu thủy :

1. Rày hội-tề Phật-gia
2. Hương đèn rạng lập đàn tụng ca
3. Công ơn ngài Giáo-Chủ Ta-Bà
4. Ra cứu độ cho người giải-thoát
5. Thoát luân-hồi những đời chúng-sanh
6. Lòng chúng-sanh tình thành khự khư
7. Nhớ tháng tư, ngày mồng tám
8. Vía đức THÍCH-CA
9. MÀU-NI Phật hóa-sinh giờ thìn
10. Cửa Thuyền, hương nguyện thường năm
11. Ngồi Tam-Bảo nhứt tâm cùng đường
12. Cầu xin chứng minh đạo trường
13. Bốn ơn nguyện phước thiện không lường
14. Nơi nơi đồng một lòng tri kinh
15. Châm gia-bộ giác-ngộ bàm-linh
16. Quyết tu hành cho thành Phật-dạo.

∴

Điều Kiêm-tiền :

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| 1. Muốn tu | 14. Kia ai |
| 2. Lòng diệp-minh | 15. Hóm mai kinh kệ |
| 3. Phải chăm giữ | 16. Đèn tuệ soi lòng |
| 4. Giới luật cho rành | 17. Dẫn lòng chạy lòng. |
| 5. Phải chăm giữ | 18. Xa vòng |
| 6. Cho rành chớ nên khinh | 19. Tham ái sân si |
| 7. Đừng sát-sinh | 20. Xa vòng |
| 8. Không dâm tà | 21. Tham ái sân si |
| 9. Không uống rượu | 22. Khá ghi giới luật |
| 10. Không nói thàm | 23. Nhà Phật |
| 11. Chớ tham quấy | 24. Những bậc xuất-gia |
| 12. Châm lòng mựa đừng sai | 25. Khá ghi giới luật |
| 13. Kia những ai | 26. Nhà Phật. |

∴

Điều Phú-lục :

- | | |
|---------------------------|----------------------------------|
| 1. Thấy | 9. Đức THÍCH-CA ra đời |
| 2. Chúng-sanh mắc | 10. Giác-ngộ |
| 3. Lưới vô-minh | 11. Cho những người |
| 4. Vương minh | 12. Còn mê muội hoại |
| 5. Khôn bằng tìm mối manh | 13. Đương làm bước lối chống gai |
| 6. Chim bề khổ | 14. Sanh tử luân-hồi |
| 7. Nước mông mênh | 15. Mãi xoay vần không thôi |
| 8. Phật gia | 16. Kinh, luật, luận |

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| 17. Khuyên răn trọn lời | 25. Đánh thoát-ly |
| 18. Miếng dặng | 26. Đốc chỉ |
| 19. Ngày trau dồi | 27. Đốc chỉ tu trì |
| 20. Theo lời dạy Ngài | 28. Gặp kỳ |
| 21. Thường gìn giữ chớ đơn sai | 29. Hoa khai Bửu-tri |
| | 30. Trọn ngbi |
| 22. Gương tri trong ngời | 31. Giữ một lòng từ-bi |
| 23. Chốn Liên-đài thanh-thoi. | 32. Cầu Tam-Bảo |
| 24. Nguồn tham rừng dục | 33. Xin chứng-tri. |

* *

Điệu Long-ngâm :

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| 1. Trang-nghiêm bấy | 25. Xưa |
| 2. Kính mừng | 26. Giảng-sanh Ta.Bà |
| 3. Đức THÍCH-CA | 27. Hóa thân người |
| 4. Ngự trên tòa sen báu | 28. Thương đời |
| 5. Đoanh mây lành | 29. Cứu-độ quần-sanh |
| 6. Rõ rục rở | 30. Chúng-sanh đều |
| 7. Hào-quang muôn ngàn | 31. Ôn nhờ |
| 8. Thân vàng | 32. Cung-phụng kính thờ. |
| 9. Thân vàng | 33. Nay |
| 10. Rất trong ngàn sáng suốt. | 34. Xin noi gương lành |
| 11. Cùng | 35. Quyết tu hành |
| 12. Mười phương ba cõi | 36. Phép Phật |
| 13. Nơi nơi đều | 37. Nhiệm màu |
| 14. Cúng dường | 38. Cúi đầu |
| 15. Đại | 39. Lay |
| 16. Tự tại | 40. Quý lay |
| 17. Từ | 41. Đồng lay |
| 18. Bì cát-tường | 42. Đồng thanh niệm : |
| 19. Không ai bướng | 43. Niệm |
| 20. Vô-lượng công đức | 44. Niệm nhưt tâm |
| 21. Vô-biên giác | 45. Nam-mô |
| 22. Phép thần-thống | 46. Bôn-Sư |
| 23. Ứng-hóa vô cùng | 47. THÍCH-CA |
| 24. Ai đồng. | 48. Máu .Phật |

* *

Điệu Ngũ-đôi-thượng :

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| 1. Nay | 6. Trầm hương xông |
| 2. Chúng tôi ngày nay | 7. Khói bay cùng |
| 3. Tự-lánh | 8. Thơm xa vôi vọi |
| 4. Thành-kính | 9. Kết mây lành |
| 5. Đèn nhang chong | 10. Muôn vành |

11. Hương Giới,
12. Hương Định,
13. Hương Huệ,
14. Thơm đầy
15. Nức xa gần
16. Cùng dâng Tam-Bảo
17. Xin chứng lòng
18. Khẩn cầu
19. Nguyễn
20. Chúng-sanh phước đầy
21. Nghe hương này
22. Dứt giây phiền-não
23. Rõ mọi đường
24. Đề mà tu tánh viên-thường
25. Thoát-ly
26. Vòng vô-minh
27. Nguyễn
28. Đồng dâng
29. Thành Phật
30. Cùng Pháp-giới
31. Chuyển
32. Chuyển Pháp-luân
33. Ai nghe đều
34. Ưa tu tập
35. Đạo Bồ-Đề
36. Thâm-huyền.
37. Như chư Phật
38. Viên-giác
39. Chơn-thường
40. Đủ vô-lượng công đức
41. Ban ơn xuống
42. Cho chúng-sanh
43. Hết mê lầm
44. Trầm-luân khổ-hải
45. Đại-Niệt-Bàn
46. Tự-tại
47. Thị-hiện trong đời
48. Độ quần-sanh thoát luân-hồi
49. Hôm nay
50. Đức THÍCH-CA
51. Mồng tám
52. Tháng tư ngày lành
53. Hóa-sanh về
54. Ca-Tỳ La-Vệ;
55. Đệ-tử đồng
56. Quy-y Tam-Bảo,
57. Xin thệ nguyện
58. Một lòng
59. Quyết tinh-tấn
60. Chí Bồ-Đề
61. Trọn đời.



E.—Phiên-nào tức Bồ-Đề

Bonjour đức Phật.

Sớm mai này, Ba-Láp vào chùa, thấy Cửu-Giới lạy Phật vừa ra, Ba-Láp cười nhẽ, nói :

« Chú rõ là mê-tin, Phật tức tâm, tâm tức Phật, tôi có tâm, chú lạy tôi đây không hơn sao mà phải lạy Phật ? Tôi chả lạy ai cả, mỗi buổi mai cứ đến trước bàn Phật nói « Bonjour đức Phật » thôi.

— Sao hôm trước chú-sơn bắt tội anh phạm - giới, anh lại lạy gần sỏi trán ?

— Chú-sơn là người ta, tôi lạy chú-sơn là lạy tâm, chứ không lạy Phật ».

Cửu-Giới cười hã hã, lên ngồi trên ngựa chỉnh-chệch và bảo :

« Anh lạy Cửu-Giới đi »

Ba-Láp trợn mắt : « Xỏ lá, ai thèm lạy chú ! »

— Thế tôi không có tâm sao ? »

Ba - Láp ngơ ngẩn : « Chú có tâm nhưng mà . . . tôi không lạy ».

Cửu - Giới nghiêm chỉnh, hỏi : « Anh có biết vì sao anh không chịu lạy tôi không ? Lại có biết vì sao anh lạy chú-sơn không ? »

— Tôi lạy chú-sơn để cho khỏi tội chứ chuyện gì phải lạy chú ? !

— Phải đấy, vì lạy chú-sơn có lợi ích nên anh mới lạy.

Lạy Phật cũng vậy ; vẫn biết dầu tượng Phật, dầu Phật sống, dầu muôn sự muôn vật đều do tự-tâm biến hiện, nhưng tượng Phật là tiêu - biểu của sự giác ngộ hoàn toàn viên-mãn nên chúng ta phải bằng ngậy cung kính lễ bái dặng tâm chúng ta thường hi-cầu sự

hoàn toàn giác-ngộ và được nhiều phần lợi ích trong đường tu tập. Dầu các vị Bồ-tát cũng phải cùng đường tượng Phật thay! Bỗng chi chúng ta còn tâm nhơ-ngã sờ sờ, nếu không nương theo chơn Phật, thì bao giờ cho được giải-thoát.

Như anh chỉ ưng lay tự-tâm chúng-sanh chớ không lay tự-tâm Phật thì đến hôm nào chư-sơn nhóm tôi sẽ học chuyện này lại cho các ngài nghe... »

Ba-Láp sáng sốt : « Ấy chết ! chú chớ lới thôi, tôi hiểu rồi, tôi không ưng lay tự-tâm chúng-sanh nữa. . . »

CỬU-GIỚI



KÍNH CÙNG BẠN ĐỌC

Viên Âm ra trễ vì nhà in trước có trở việc. Từ đây chúng tôi điều đình cho khỏi phiền lòng chư quý độc giả.

Chỉ còn số 12 này là mãn năm thứ nhứt. Viên Âm được vững vàng là nhờ ở lòng hộ pháp của các bạn đạo tâm. Vậy ngài nào đóng tiền đồng niên rồi thì chúng tôi rất cảm tạ, còn ngài nào vì bận việc hoặc quên mà chưa trả xin vui lòng gởi ngân phiếu gấp gấp về cho chúng tôi tiện bề sổ sách. Và ngài nào *mãn hạn năm thứ nhứt*, sau khi tiếp được Viên Âm số 12 này, nếu không nhận xem nữa thì xin vui lòng cho chúng tôi biết trước, bằng không thì chúng tôi xin kể là độc giả năm thứ hai, gởi nguyệt-san liên tiếp.

VIÊN ÂM



V. — SỰ-TÍCH

SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH - CA

(Tiếp theo)

XXII. — Phật Thích-Ca độ ông Kim-Sắc Đại-Ca-Điếp

Trong nước Da-La-Kiệt-Xoa có một vị Bà-La-Môn tên là Ca-Điếp, đủ cả 32 tướng, thông minh, trí huệ, thông suốt tất cả mọi sự, nhà lại giàu có, thường hay bố-thí. Bà vợ ông Ca-Điếp rất đoan chánh, cả nước không ai bì kịp.

Năm thứ tư, sau khi Phật thành đạo, hai vợ chồng nhờ có căn lành đời trước, tự nhiên thoát khỏi tình dục, không ưa ở nhà, đều vào rừng núi, cắt tóc tu hành. Vừa khi ấy nghe trên không có tiếng bảo phải ra mắt Phật, hai người liền đến vườn trúc qui-y theo Phật. Phật thuyết-pháp cho hai người nghe đều đặn quả A-La-Hán.

Ông Ca-Điếp này rất có oai đức, đã được Phật truyền y bát, nên có hiệu là Đại-Ca-Điếp. Phật diệt-độ rồi, giữ gìn Phật-Pháp, hóa độ chúng sanh đến 6 vạn năm về sau đều nhờ sức của ông ấy.

Vua Tịnh-Phạn-Vương (Suddhodana) nghe Phật thành đạo, khiến ông Ưu-Đà-Di mời Phật trở về nước cho đặng thấy mặt Phật, lại lập Thích-thị-tinh-xá trong rừng Ni-Câu-Luật chờ Phật về ở.

Phật liền từ thành Vương-xá trở về thành Ca-Tỳ-La, ngày ngày thuyết pháp độ chúng sanh vô lượng. Vua Tịnh-phạn-Vương chẳng được đạo quả, cung-nhơn người lớn kẻ nhỏ thấy đều thọ giới, giữ phép ăn chay hoặc một tháng sáu ngày, hoặc một năm ba tháng không hề trê nãi. Chỉ vì Phật độ em khác mẹ của Phật là ông Nan-Đà và con Phật là ông La-hầu-La xuất-gia, làm cho vua Tịnh-phạn-Vương thương tiếc vô hạn, nên từ đó về sau Phật mới chế luật: hễ cha mẹ có cho phép mới được xuất-gia.

Phật ở nước Ca-Tỳ-La bảy ngày rồi lại trở về Trúc-viên. Khi mới đi đến làng A-Nâu-Tĩ-Gia thì thấy có nhiều người trong họ Thích-Ca như ông A-Nâu-Lâu-Đà, A-Nan-Đà, Đề-Bà-Đạt-Đa, Kim-Ti-La, vân vân, đều nổi gót theo Phật xin làm đệ-tử; lại có một ông dòng Thu-Đà-La làm việc hớt tóc trong họ Thích-Ca tên là Ưu-bà-Di cũng đến xin xuất-gia. Phật cũng y theo lời xin và đem lễ «tứ-dân bình-dẳng» giáo-hóa các đệ-tử.

(Còn nữa)

VIÊN-ÂM

CẢI CHÁNH SỐ 11

Trương 17, hàng 14,... Sắc-âm... xin đọc... Sắc-ấm ...

Trương 30, hàng 34,... Lục-sự... xin đọc... Lục-sư ...

Trương 31, hàng 26,... Những nét chữ... xin đọc ...

...Nhưng nét chữ ...

Trương 35, hàng chót,.. Chiế thập phương... xin đọc ...

...Chiếu thập phương ...

Trương 37, hàng 10,... Sóng..... xin đọc... bóng.....

Trương 37, hàng 12,... bát..... xin đọc... sát.....

Trương 46, hàng 13,... câu chữ Hán « Đắc lịch bảo nghiêm

chi độ đắc môn cam lộ »

Xin đọc... « Đắc lịch A-Di-Đà-Phật bảo nghiêm chi độ,

đắc môn A-Di-Đà-Phật cam lộ »

Viên-Âm

ĐỨC BẢO ĐẠI VÀ TAM TÔN-CUNG

đã

CHUẨN-NHẬN CHỨC “VINH-DỰ HỘI-CHỦ ” HỘI PHẬT-HỌC HUẾ

91

Ngày rằm tháng ba Annam, «Hội Phật-Học» Huế được phép vào chầu, có tâu xin dâng chức VINH-DỰ HỘI-CHỦ lên HOÀNG-THƯỢNG và TAM-TÔN-CUNG.

Theo thư số 97 - BE, ngày 20 Avril 1935, Cụ Tổng-Lý đại-thần, Ngự-Tiền Văn-Phòng tư cho Hội hay rằng HOÀNG-THƯỢNG và TAM TÔN-CUNG đã chuẩn-nhận chức VINH-DỰ HỘI-CHỦ Hội Phật-Học.

HOÀNG-THƯỢNG lại ban cho Hội 150\$ và ĐỨC KHÔN-NGHI-XƯƠNG - ĐỨC - THÁI-HOÀNG-THÁI-HẬU ban cho Hội 100\$.

“Hội Phật-Học” hết lòng cung kính cảm tạ Hoàng-ân và rất lấy làm vinh-hạnh cho tiền-đồ Phật-giáo nước nhà.

PHẬT-HỌC-HỘI

TƯỜNG THUẬT VỀ LỄ KHÁNH-ĐÀN ĐỨC PHẬT THÍCH-CA

(Ngày mồng 8 tháng tư - - 10 Mai 1935)

Mất cả Tin đồ Phật giáo, ai ai cũng đều ghi nhớ ngày mồng 8 tháng tư là ngày đức THÍCH-CA hóa sinh ở nước Ca-Tỳ-La-Vệ bên Ấn-Độ.

Các Sơn-môn và chư thiện-tín ở nước ta đều có làm lễ Khánh đản Ngài, nhưng chỉ chùa nào làm lễ ở chùa nấy thành ra không được vẻ vang long trọng.

Hội Phật-Học Huế muốn hiệp tác với chư-sơn và làm lễ Khánh-đần nầy cho trang nghiêm, nên ký nhóm Hội đồng thường niên ngày 17 Février 1935 đã yêu cầu chư sơn hiệp tác.

Hội lại trích ở quỹ ra 200\$ giao cho ban Trị sự lo liệu; ngoài ra, nếu có thiếu thì Hội-viên và chư thiện-tín kẻ nhiều người ít giúp thêm vào.

Ngày 24 mars 1935, Hội mời các chư sơn nhóm tại chùa Diệu-đế để tỏ bày ý kiến, chư sơn cũng đều hoan nghinh và xin thiết lễ nầy tại chùa Diệu-đế.

Muốn tiến hành công việc được mau chóng, Hội đặc ra 10 Tiểu-ban để lo liệu.

Thành tâm lo tổ chức về lễ nầy, trong Sơn-môn thời có:

Ngài Tăng Cưng chùa Thiên-Mu, chùa Từ-Hiếu và chùa Báo quốc. Ngài Trụ-Trì chùa Trúc-Lâm, chùa Túy-Ba, chùa Tây Thiên, chùa Linh quang, chùa Tường-vân, chùa Vạn-phúc, chùa Từ-quang, chùa Quốc-ân, ông Trì sự chư sơn, thầy Mật-Khế, ông Giám-Tự Diệu-đế, ông Trụ trưởng chùa Quan-Công, thầy Mật-Nguyên, thầy Đôn-Hậu, thầy Chánh-Thống, bà Diệu-Hương, bà Diệu-Viên.

Bên chư thiện tín thì có:

Bà Hương Quý, ông Trần-văn-Tiết, ông Tôn-thất-Bằng, Trong Hội thời có :

Cụ Nguyễn-khoa-Tôn, Cụ Nguyễn-đình-Hoè, Cụ Ung-Bàng. Các ông : Phan-ngọc-Anh, Hoàng-xuân-Ba, Nguyễn-văn-Bá, Bửu-Bác, Lê-thanh-Cãnh, Trần-thanh-Đại, Hoàng-hữu-Khắc, Lê-văn-Lộc, Nguyễn-văn-Lữ, Hoàng-mộng-Lương, Phan-quang-Quyền, Lê-đình-Thám, Phạm-quang-Thiện, Lê-quang-Thiết, Nguyễn-duy-Thu, Nguyễn-công-Tích, Nguyễn-xuân-Tiểu, Nguyễn-khoa-Toàn, Lê-đức-Trạm, Tôn-thất-Tùng, Lâm-duy-Tuyền, Nguyễn-nhơn-Từ, Nguyễn-nhơn-Ứng, Trịnh-xuân-Vạn, Trương-Xướng, Lê-bá-Ý.

Cụ Bà Nguyễn-đình Hoè, Cụ Bà Ung-Bàng. Cụ bà Ung-Dinh. Các bà : Bửu-Bác, Lê-thanh-Cãnh, Trần-thanh-Đại, Lê văn Lữ, Phúc Long, Lê-đình-thám, Lê quang-Thiết Lê đức-Trạm, Nguyễn-nhơn-Từ, Cao-xuân-Xang, Trương Xướng.

Hội chúng lấy làm vẽ vạng được **Lưỡng-Tôn-Cung** ; **Hoàng-Thượng** và **quý-Khâm-Sứ-Đại-thần** quang lâm đến dự lễ. Các **Cụ Lớn**, các **quan** và **chư thiện-tín** đều tỏ lòng hoan hỷ tới dự lễ Khánh đản này rất đông, thật là vinh hạnh lắm !

Đối với cuộc lễ này, chúng tôi chỉ trông mong đó là một bước đầu mà thôi.

Nam-Mô Bồn-sur Thích-Ca Mâu-ni Phật
PHẬT-HỌC HỘI.

CỬ-HÀNH LỄ KHÁNH-ĐẢN

Chiều mồng bảy

Chùa Bảo-Quốc, nơi **Hội Phật-Học** lên rước Phật, là một ngôi chùa cổ cất trên đồi cao. Cũng như chùa Diệu-Đế, chùa Bảo-Quốc dốt đèn rực-rở, trần-thiết trang-hoàng ; trước Chánh-diện dề **Tượng** dức **Thích-Ca sơ-sanh**, tay chỉ lên trời, tay chỉ xuống đất, biểu hiện câu : « 天 上 天 下 惟 我 獨 尊 »

Tượng này cao cỡ năm tấc, dề trên một cái bàn vuông, sau tượng có thiết một cây Bồ-Đề, trước tượng

cái Bảo-trì (hồ) có rắc vàng bạc vun, chung quanh
ảo-trì có hoa sen, ẩn trong hoa có bóng đèn điện
bỏ. Khi bật điện chói sáng bên mặt hồ lóng lánh,
em rất ngoạn-mục.

Trước sân chùa, Chư-Sơn và Hội-viên đều chỉnh-tề
ứng ra hai hàng chờ đến giờ nghinh Phật ra thời
hỉ hành.

Khi 7 giờ, cụ Quận-Công Nguyên Nhiếp Chánh Thành-
hân, tuy tuổi già mặc đầu mà đạo-lâm vẫn hăng-
ái, đứng trước bàn Phật làm lễ rất kính-cần.

Kế đó Ngài Trì-Trì Túy-Ba đứng trước Phật bạch
in khi-hành lễ cung nghinh. Rồi đến các Hội-viên và
hư Thiện-tín đều tới lễ Phật.

Lễ xong, nổi chuông trống Bát-Nhã, lúc nghinh
ượng có đánh nhạc bát-âm.

Chư-Sơn y hậu chỉnh-tề, mỗi chùa đều có đến,
hội-viên và tín-dồ cũng sắp hai hàng đều cầm đèn
búp sen dài gần một cây số, từ từ xuống đồi trông
ất oai-nghi.

Đi đầu có một cái đèn to, trên đèn năm chữ:
釋迦佛誕誕.

Rồi đến mấy thầy cầm Pháp-hiệu, Bê, Tích, Trương,
có hai người gánh trống và chuông, có hai vị Tăng-
già đi theo đánh. Tiếp đó có ban múa bài bông (của
ông Phó-Si cúng) rước Phật, đều cầm đèn vương
bỏ. Một vị Tăng-già cầm một cái Phan lớn đi giữa,
trên đèn: « 南無本師釋迦牟尼佛 »; hai bên
có hai người cầm hai cái đèn làm theo kiểu Phan
có bốn thầy mặc áo bá-nạp, đánh trống và đánh
tát. Kế đó hai toán cầm đèn búp sen đi hai hàng.
Ban đồng-ấu của chùa Phước-diễn mặc áo Mã-tiền,
đầu đội mũ, hai bên vai có cầm lồng đèn, vừa đi
vừa hát.

Rồi đến hai dãy Chư-Sơn mỗi vị sau lưng đều có
một Đèn cầm đèn trên có đề hiệu của mỗi chùa.

Tiếp đến hai người gánh khánh và chuông, đều có hai vị Tăng-giả đi theo.

Chỗ này ban đồng-ấu của *Hội Phật-Học* đi hầu Phật. Ban này gồm có 52 nam nữ đồng-ấu và hai *Điệu* của chùa *Sư-nữ* do ông *Bửu-Bác* chỉ-huy.

Đồng-ấu trai mặc y vàng, còn đồng-ấu gái thời mặt áo mùi, đều cầm Phan vàng nhỏ, vừa đi vừa ca...

Trải qua các con đường Nam-Giao, Jules Ferry, cầu Trường-tiền, đường Paul Bert, cầu Gia-hội và đường Đồng-Khánh, hai bên phố và nhà nhà đều đốt đèn đốt pháo vang lừng, tổ vẽ cực lực hoan nghinh.

Qua cầu Trường-tiền, dưới sông, trên một chiếc đồ trần-thiết bàn Hương-án trang hoàng, có các Thầy niệm Phật và hai chiếc Bồng thật đẹp (của cụ *Hiệp Nguyễn-Đình* và bà *Hương-Quí*), vừa [đánh trống, vừa chèo theo đám rước.....

Lúc bấy giờ tiếng niệm « *Nam-Mô Bồn-sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật* », trên dưới đều ăn rập, bao nhiêu đèn chói lọi xuống mặt nước sông Hương long lánh.....

Theo chương-trình thì định 8 giờ lễ rước Phật về đến chùa *Diệu-Đế*, song vì muốn cho được vẻ trang nghiêm nên đoàn đèn phải từ từ bước một mà đi cho đều-dẫn; vả lại thiên hạ hai bên đường đứng xem chật ních, cần phải dẹp trước rồi mới đi thông thả được, thành thử đến 9 giờ rưỡi mới về tới chùa *Diệu-Đế*.

Đến nơi, thiên hạ đi xem lại càng đông thêm vô số

Sau ba hồi trống *Bác-nhã* trong chùa *Diệu-Đế* chỉ đám rước, *Chư-Sơn* và *Hội Phật-Học* nghinh *Tượng Phật* vào Chánh-diện; ba ngài *Tăng-Cang*, *Chư-Sơn* các *Cụ*, *Hội-viên* và *Tín-dồ* làm lễ rất long trọng-trang-nghiêm.

Quang-cảnh lúc bấy giờ trở lại im lặng. Những tiếng chuông, tiếng mõ và mùi trầm ngào ngạt, khiến cho người đi xem dường như say sưa mùi đạo.....

Lễ Phật xong, ngài *Thích-giác-Nhiên* đăng đàn thuyết "*Bác-nhã-tám-kinh*" trước máy truyền-thanh (microphone) (của nhà thuốc *Võ-văn-Vân* ở Thủ-dầu-một (Nam-kỳ) cho Hội mướn).

Kinh này nghĩa lý rất sâu xa, nhưng tùy theo căn cơ của thiện-tín kẻ cao người thấp mà thuyết-pháp.

Trong khi thuyết-pháp có cử đủ lễ nhạc theo nghi-tiết nhà chùa.

Đến 12 giờ rưỡi khuya, cuộc thuyết-pháp vừa xong, chư thiện-tín vào hành hương.

Ngày mồng 8

8 giờ mai.

Giờ này là giờ của đức *Thích-Ca* hóa-sanh nên nghi lễ Phật rất trang-nghiêm và long-trọng.- Các chùa ở Huế đều nổi chuông trống *Bác-nhã*.

Lễ Phật xong, chư thiện tín vào hành hương.

Một bó bóng sen, một vài thẻ hương, hoặc 5, 3 giắc bạc bỏ vào thùng "*Phước sừng*", tấm lòng mộ Phật của chư thiện-tín trông thật cảm động !

Hội Phật-Học rất hoan nghinh ở chỗ chân tình của chư thiện-tín nhớ công-đức hóa sinh đến dự ngày lễ kỷ niệm này là một kỷ-nguyên mới của Phật-giáo nước nhà.

Đúng 12 giờ trưa làm lễ cúng Ngọ. Các chùa ở Huế cũng đều nổi chuông trống *Bác-nhã*.

Buổi chiều :

3 giờ — *Ti-Kheo-ni Thích-Diệu-Hương* (chùa Tường-Vân) giảng *A-Di-Đà-Kinh*. Bà *Thích-diệu-Hương* giải nghĩa xác đáng, các bà, các cô đến nghe thật đông.

Bà Thích-diệu-Hương giảng xong, đúng 4 giờ kể Sa. Di-Ni-Thích-Diệu-Viên (chùa Trúc-Lâm) giảng về vấn đề « Lợi ích của Phật-học đối với phái Phụ-nữ »

Đứng trước máy truyền-thanh, bà Thích-diệu-Viên nói rất rõ ràng, lời lẽ tự nhiên, dễ hiểu; thính giả rất hoan nghinh và lãnh-hội được nhiều. (Xin xem bài giảng ở mục Diễn-dân).

Xong hai cuộc diễn thuyết, đến 7 giờ tối phóng-sanh phóng-dăng. Trên hai chiếc bằng (của Cụ Thượng Nguyên-Dinh và bà-Hương-Quý), đèn đốt rực rỡ, bài bố rất trang nghiêm, cùng bao nhiêu đèn đương linh đình trên mặt nước sông Đồng-ba.

Đêm nay, ngoài các đèn của Hội-viên và chư thiện-tin cùng, nhờ Tam-Tôn-Cung có ban cho 1.000 đèn thắp thêm nên quang cảnh chùa Diệu-đế càng tăng thêm vẻ nguy nga.

Người đi xem càng ngày càng đông, ngoài 3 cái rạp (của ông Tôn-thất-Bằng cùng) thiên hạ đều đứng giữa trời, chật ních như nêm.

7 giờ rưỡi. Đồng-ấu niệm Phật.

Các em đều cầm Phan, trai thì mặc y hậu, gái lại mặc áo màu, sắp hai hàng từ từ trong chùa bước ra vừa đi vừa ca bài *Đăng-đàng-cung* (xin xem các bài ca nơi mục Thi-Lâm).

Đứng ngoài cái rạp lâu (của bà Hương-Quý cùng), các em xây mặt vào Chánh-diện ca các bài tống-tụng công đức hóa-sanh của đức Phật Thích-Ca là Giáo-chủ cõi Ta-Bà này.

Theo điệu đơn, hơn 50 đồng-ấu, tống, tụng, niệm, hát những lời có đạo-vị cao-thâm, khi lện bổng, lúc xuống trầm, thính giả rất khen ngợi và tỏ vẻ cảm khái.

Sau ba tiếng chuông, các em đồng xướng « Hòa nam thánh chúng » rồi vừa ca vừa trở vào chùa.

8 giờ — Ông Cư-sĩ Lê-dinh-Thám giảng về vấn-đề « *Phật Pháp đối với sự tấn-hóa của tâm trí người* » (*La Doctrine Bouddhique et le perfectionnement spirituel de l'homme*).

Trong các bài giảng, lý thuyết phải có bài cao, bài thấp ; cho nên ông Lê-dinh-Thám giảng rất cao, và lại gần đến giờ cung nghinh ngự giá nên nội trong 15 phút đồng hồ ông Lê-dinh-Thám chỉ tóm tắt theo đầu đề mà thôi.

9 giờ — Các quan Tây, Nam lần lượt đến. Một chập sau Lương-Tôn-Cung và Hoàng-Thượng ngự giá đến nơi.

Cùng đi với quan Khâm-sứ đại-thần, có Hoàng-tử Lào và 4 quan tùy tùng nhưn khi ghé Huế đến dự lễ.

Lương-Tôn-Cung và Hoàng-Thượng vừa bước vào sân chùa thì đồng ấu tiếp ca mừng. Cụ Chánh hội trưởng đã ra tận cửa chùa cung nghinh ngự giá.

Lương-Tôn-Cung và Hoàng-Thượng cùng các quan an tọa rồi, Hội-viên và Chư-sơn lễ Phật. Lễ Phật xong, cụ Chánh Hội trưởng đứng trước máy truyền thanh đọc chúc từ (xin xem nơi mục Diên dân). Cụ đọc xong kể ông Nguyễn-khoa-Toán đọc bản dịch bằng pháp văn (xin xem nơi mục « Phụ trương Pháp văn »).

Tiếng vỗ tay như pháo nổ.

Rồi lại im lặng, quang cảnh rất trang nghiêm.

Từ trong Chánh-điện, đồng ấu sắp hai hàng, chầm rãi bước ra vừa đi vừa hát. Một tiếng chuông, đồng ấu sắp hàng ngang, đối trước bàn Phật, ca các bài tán tụng công đức Phật Thích-Ca.

Tổ lòng hoan-hỉ, Tôn-cung có ban cho đồng-ấu 50\$.

Đồng-ấu hát dứt, vừa đi vừa ca trở vào chùa.

Trót một tiếng đồng hồ, lại gặp lúc trời nóng bức, các em rất mệt nhọc. Biết trước như thế nên quan Viên-ngoại Nguyễn-nhơn-Từ có cho 220 ve nước chanh để giải khát.

Trong chùa vừa dứt tiếng hát của đồng ấu thì trước sân chùa lại mưa lục-cùng. Tiếp theo đó, đốt hai cây pháo của Tôn-Cung ban.

Cây pháo của Đức Từ-Cung ban, thuở nay hiếm có, cháy rất lâu và nhiều kiểu thật đẹp, có cả cảnh một ngôi chùa và Tượng đức Thích-Ca sơ sinh, hai bên bức Tượng lại có hai câu đối bằng chữ Hán « 天上天下惟我獨尊 » (Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn.)

Đốt pháo xong Hoàng-Thượng và các quan Tây Nam ra về. Trước khi ngự giá hồi loan, Lương-Tôn-Cung làm lễ trước bàn Phật.

Lễ xong, Chư-sơn và Hội-viên đưa ba ngài lăng-cang về chùa.

...

Bước đầu tiên, kẻ hằng tâm người hằng sẵn, hiệp lại làm cuộc lễ rất long trọng này, có thể tạm cho là châu đáo được.

Các ngài phát tâm cùng về lễ này đều là bậc có đạo tâm cả, bất tất chúng tôi phải tỏ lời cảm tạ mà thêm sự ái ngại cho tấm lòng khiêm-tốn của nhà Phật-tử.

Chư-sơn và Hội Phật-Học một lòng từ bi bình-dẳng, bằng niệm tấm lòng tin-ngưỡng của Thiện-tín, dù rằng một thể hương, một bao đèn, mà chỗ chánh-tín về đạo Phật vẫn không có hạn lượng.

Đối với cuộc lễ này, các báo đều có bài tường thuật và lời khen ngợi. Nhưng với sự khen ngợi ấy, chúng tôi không khỏi phải nhận những điều khuyết điểm không thể giấu tốt được trong buổi đầu là buổi khó khăn nhất.

Riêng báo *Tráng-an* ở Huế lại ra một số đặc biệt nói về lễ này; chúng tôi bao giờ cũng niệm tình hộ-pháp.

...

Sau ngày lễ vía Phật lại có phát-chăn tại chùa Quan công (kề chùa Diệu-đế).

Tại chùa Diệu-Hỷ (gần dinh cu Thượng Tôn-Nhơn) có phát 50\$ của Tôn-Cung ban và các món đồ chơi cho chư thiện-tín biếu cho đồng-ấu.

BẢN KÊ SỔ TIỀN CHI THẦU TRONG LỄ KHÁNH-ĐẢN

(Trích biên bản ngày 1^{er} juin 1935)

Thầu :

1 ^o)	Sổ tiền Hội chuẩn về lễ Vía.	200.00
2 ^o)	Tiền các nhà từ-thiện cúng nhờ Hội mua giúp hương, đèn, vãn vãn. . . .	387.00
3 ^o)	Tiền Tôn-Cung ban thưởng cho Đồng-ấu Phật-học	50.00
4 ^o)	Tiền của đồng-ấu cúng lại.	35.00
5 ^o)	Tiền Hội-viên cúng đèn.	54.47
6 ^o)	Tiền thiện-tín bỏ vào thùng «Phước-Sương». . .	46.42

Cộng số thầu : 772\$89

Tiêu :

1 ^o)	Ban đèn pháo tiêu.	117.26
2 ^o)	Ban trần-thiết tiêu.	169.48
3 ^o)	Ban đồng ấu tiêu.	75.24
4 ^o)	Ban trà nước tiêu	32.21
5 ^o)	Ban trật-tự tiêu.	11.24
6 ^o)	Ban từ-hân tiêu.	40.06
7 ^o)	Các khoản tiêu linh-tính (mua thùng Phước-Sương,phông-sanh, v.v.)	236.98

Cộng số tiêu : 682.47

Khấu-trừ :

THẦU	772\$89
TIÊU	682.47

CÒN LẠI : 90\$42

(Các khoản chi tiêu đều có giấy mã phân minh và có Ban Lễ-Nghi chứng thiết).

Huế, ngày, 31 Mai 1935.

Chánh-Chưởng-Quy

Ký tên : Phạm-Quang-Thiện

BAN TU-HÓA :

Ký tên : Phạm-Quang-Thiện

Trịnh-Xuân-Vạn

Lê-bá-Ý và Lê-văn-Lũ

Ngài Trụ-Trì chùa Vạn-Phước

LỄ TỔNG CHUNG THẦY THÍCH-MẬT-KHẾ

Đầy Thầy Thích-Mật-Khế, Giảng-Sư của Hội Phật-Học, tịch ngày mồng 8 tháng tư (10 Mai 1935) và qua ngày mồng 9 làm lễ nhập quan tại chùa Trúc-Lâm.

Được tin, cụ Chánh-Hội-Trưởng liền thông báo cho các Hội-viên ở Huế hay, đề đến 8 giờ tối ngày mồng 9 đến chùa Trúc-Lâm đi điệu.

Khi ấy Hội-viên điều khiển diện. Trước hết làm lễ Phật sau lại sắp hàng ngồi trước quan tài niệm Phật cầu-siêu.

Ngày mồng 10, lúc 6 giờ đã cử hành phát-dẫn. Trong Sơn-môn thì có ngài Trụ-trì Tường-vân, ngài Trụ-trì Từ-quang, ngài Trụ-Trì Tây-Thiên, ngài Trụ-Trì Túy-Ba, ngài Trụ-Trì Vạn-Phúc, ngài Trụ-Trì Đông-Sơn, ngài Trụ-Trì Diệu-Nghiêm và Tăng-Lữ thanh-niên tất cả gần bốn chục người đắp y tề-chỉnh đứng hai bên niệm Phật.

Độ 15 phút sau, ba hồi kiêu giống lên, thì các người Âm-công khăn áo tề chỉnh, cầm đèn vào bái quan, rồi động quan. Hết sức lạnh- lẽ, không đầy hai phút, họ đã đưa quan-tài ra khỏi nhà.

Đi đầu thầy Mật-Thê cầm cái Phan lớn rồi đến bàn hương-án có 4 người gánh, trên để bài vị và đèn thắp sáng choang.

Sau bàn hương-án một thầy cầm bức biền kết bông giữa có ba chữ: « 南無佛 » rồi đến đối liên rất nhiều xin lược kể ít câu :

« Tùy duyên bất biến » 隨緣不變

(Của Phật-Học-Hội)

同幸者正道不終淹月刊題出佛學
有場許多鼓舞風潮無尽燈光將復朗 :

噫悲哉西天胡邊去彌勒未來釋迦
已遠當此陵夷未法提高重荷付誰肩。

Kha hạnh giố, chánh đạo bất chung yên, nguyệt-san
đề xuất, Phật-học hiệu trường, hừa đa cổ vũ phong
trào, vô tận đăng quang tương phục lẫm ;

Y hi tại, Tây-Thiên hồ kích khứ, Di-Lặc vĩ lai, Thích-Ca
di viễn, đương thử lẫm di mật pháp, đề cao trọng ha
phủ thù kiến.

(Của những viên nhưn trong bồn giáp)

當辰鹿野獨得鮮名幾年來隨轉法輪
正喜群生多仰慕；

此日叢林剛逢慶節千載下重光佛日
胡而樂國倏先登。

Đương thờ, lộc đa, độc đắc giải danh, kỷ niên lai tùy
chuyển pháp luân, chánh hỷ quần-sanh đa ngưỡng mộ ;

Thử nhật tùng lâm, cang phùng khánh tiết, thiên tái
ha trùng quang Phật nhật, hồ nhi lạc quốc thốc tiên
đăng.

(Của ông Thích Chánh-Thống)

• Rừng mai đấp tuyết, cây đổng trái bao phen, cơ hóa
độ còn nhiều, hy vọng chứa chan, tâm kéo tơ lòng thiếu
sử Phật ;

Sông trúc trở hoa, tình mê trong nũa kiếp, tình tương
tri quá nặng, sầu trường man mác quyền rơi giọt lụy
gọi hồn thiêng. »

(Của ông Văn-Dâm)

Tiếp đến ban đồng-~~ân~~ hát hôm lễ Vía Phật cũng đi
theo hộ-niệm. Các em đều cầm Phan và đèn. Sau ban
đồng-~~ân~~, Hội-viên mỗi người cũng cầm một cái bông
sen và cây đèn sáp, sắp hàng đi hai bên. Rồi đến chư
sơn đấp y bậu đi hộ niệm. Sau các thầy thì đến quan
tài sơn đen, ngoài giấu bông giấy và trên che bốn cây
lọng xanh. Sau quan tài các bà Vãi và Hội-viên đàn
bà cũng đều cầm đèn cũ.

SỰ TÍCH THẦY GIẢNG-SU THÍCH - MẬT - KHẾ

Thầy *Mật-Khế* người làng Thần Phù, huyện Hương-
Thủy, tỉnh Thừa-Thiên : con nhà họ Lê, thầy xuất-
gia năm 9 tuổi, ở tại chùa Trúc-Lâm.

Thầy tuy tuổi còn nhỏ mà có khiếu thông-minh,
trong hàng anh em đồng học ai cũng nhường thầy
là người xuất-chúng. Cha mẹ thầy cũng có đạo-tâm
nên cho thầy xuất-gia sớm. Thầy thọ học với ngài
Giác-Tiên, Trụ-tri chùa Sắc-Tứ Đại-Thánh Trúc-Lâm.

Ngài Giác-Tiên từ khi nhận thầy làm học trò, xét
biết thầy là một người rất thông-tuệ, nên năm thầy
19 tuổi, ngài *thế-độ* cho và đặt Pháp-danh là *Tâm-Địa*,
Pháp-hiệu là *Mật-Khế*.

Cũng trong năm ấy, thầy *Mật-Khế* thọ cụ-túc-giới
tại trường-kỳ chùa Từ-Hiếu, do ngài Tâm-Linh chùa
Tây-Thiên làm Hòa-Thượng.

Ngài Hòa-Thượng lấy thầy *Mật-Khế* làm Thủ-Sa-Dì
và phú cho y và bát. Từ khi thầy lãnh y và bát
rồi thì sự tham học của thầy càng tăng thêm. Lúc bấy
giờ thầy lại vào học tại chùa Thiên-Hưng. Trong sơn-
môn nhiều người nhận thầy là bậc anh-tài xuất trần.

Năm 23 tuổi, thầy cũng xin phép ngài Giác-Tiên
vào chùa Thập-Tháp (Bình-Định) tham học thêm với
ngài Phước-Huệ Hòa-thượng. Ngài Phước-Huệ thường
rất khen ngợi thầy và anh em đồng học đều kính
phục thầy.

Thầy thường có chí chấn-chỉnh Phật-học và tham
cửu kinh luật rất tinh tường. Chính thầy đã hết lòng
giúp đỡ cho Phật-Học-Hội và là Giảng-sư của Hội.

Năm 1933, các ông Hội-viên mượn chùa Vạn-Phúc
để thiết trường học, thầy lại tận tâm tận lực dạy vẽ,
dẫn dắt các bậc Sa-Dì.

Chí-hướng Bồ-Đề của thầy lúc nào cũng hăng hái, khi Phật-Học-Hội thành-lập, thầy thấy người ham học Phật càng ngày càng, nhiều nên thường đi các nơi hoằng-pháp.

Tại Đà-Thành (Tourane) hiện nay nhiều người nhờ thầy mà am-hiểu Phật Pháp; tại Huế thời biết bao nhiêu người nhờ thầy mà phát Bồ-Đề-Tâm !

Hiện nay có nhiều người trước kia theo các môn học-thuyết khác rồi chấp kỷ kiến mà bài bác đạo Phật, sau nhờ thầy phương-tiện giảng diễn Phật-lý cho, rồi họ đều xu-hướng về Phật-học cả.

Tiếc thay! đương lúc hoằng-dương Phật-pháp mà thầy Thích-Mật-Khế đã vội lìa cõi Ta Bà mà về miền Cực Lạc!.....

Trước khi lâm-chung 15 phút, thầy bảo đem bức tượng Phật A-Di-Đà để trước mặt, thầy liền chấp tay xá rồi niệm: « Nam-mô A-Di-Đà Phật ». Khi ấy ngài Giác-Tiên vào phủ cho thầy một bài kệ:

« Tâm-Địa quan hàm pháp-tánh viên

« Tây lai diệu chỉ hiền nam thiên

« Hoát nhiên trực triệc tào-khê lộ

« Miền tại linh bình ngũ thập niên.

Khi thầy lãnh-thọ bài kệ rồi thì vin lấy bức tượng A-Di-Đà để lên trên mặt, tinh-thần vui vẻ..... rồi thị tịch!.....

Thầy tịch vào lúc tám giờ ngày mồng tám tháng tư (10 Mai 1935), nhằm ngày Sinh-nhật đức Thế-Tôn, hưởng thọ được 31 tuổi.

Bạn đồng chí của thầy và tất cả những người chịu ơn pháp-thí của thầy, mến tiếc thầy, chỉ niệm danh-hiệu đức Phật A-Di-Đà mà cầu Ngài tiếp dẫn thầy về Tây-phương Cực-lạc.

ĐẠO PHẬT CÓ QUỐC-GIA, XỨ SỞ KHÔNG ?

Mới rồi báo A. S. có câu của ông S.N. hỏi Hội Phật-Học: «Đạo Phật có quốc-gia, xứ-sở không?»

Chúng tôi xin trả lời:

«Đạo Phật, nếu chỉ nói về phần đạo, là một lối dạy người tham-cứu tu tập để tự biết tâm mình một cách chánh đáng, thoát ra khỏi những sự ràng buộc, những vòng hạn lượng, nó đã làm cho tâm chúng ta có tham, có giận, có sống, có chết. Dầu chỉ nói riêng giáo-pháp của đức Phật người là đức Phật Thích-Ca, thì đạo Phật cũng là lối dạy cho tất cả loài người đều chứng đắc tâm-tánh chơn-thật.

Xem như trong lúc đức Phật Thích-Ca thuyết-pháp, trải qua hơn 16 nước, từ người dòng Ba-La-Mon, Sát-Đế-Ly, Phệ-Đà, Thu-Đà-La, cho đến người dòng Ba-ly-Á, ai ai cũng đều có thể nghe rõ Phật-Pháp và tu theo Phật-Pháp, không lựa người sang kẻ tiện, người đen kẻ trắng. Về sau đạo Phật truyền khắp An-Độ cho đến đảo Tích-Lan, truyền qua Miến-Điện, Xiêm-La và Nam-Dương Quần-Đảo, truyền qua Tàu, Cao-Ly, Nhật-bồn và xứ ta, truyền qua Tây-Tạng, Thanh-Hải, Mông-Cổ, Mãng-Châu, qua các nước ở phía tây xứ Ấn-Độ như nước Ba-Tur, vân vân, hiện nay lại đã truyền qua Âu-Mỹ, thì đủ biết đạo Phật phổ độ chúng sanh không hạn trong một nước nào, trong một chủng-tộc nào cả. Đó là nói về mặt bất biên của đạo Phật.

Còn như nói về mặt tùy-duyên thì người đạo Phật tùy theo địa vị của mình vẫn phải làm đủ bốn pháp để thỏa lòng trông cậy của những người trong một gia-đình, trong một xứ sở.

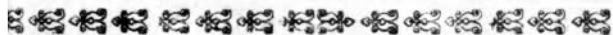
Người đạo Phật rõ được chánh-lý, biết bỏ những thói xấu xa như tham, sân, si, ích-kỷ, vân vân, biết đem tâm-tánh vô-ngã trong sạch, biết đem tinh-thần hy-sanh mà thiệ-hành trong gia-đình và xứ sở.

đi quân-quản, thần-thần, phụ-phụ tử-tử; sĩ thì lo
ghiên-cứu các học-thuật cho tốt nguồn gốc, cho
thiết-dụng, dầu ra làm việc gì cũng giữ hết bản
văn và công-bình chánh-trực; nông thì cày sâu cuốc
lên, nhắm theo thời-tiết, theo đất tốt xấu, cao
ấp, theo sự thiết-yếu hiện thời mà trồng cấy; công
việc biết làm việc mau chóng và chắc chắn để cho
nước mình khỏi thua sút nước ngoài; thương
việc biết thiệt-thà khôn khéo, mua cũng biết đường
bán, bán cũng biết đường bán, không nói dối, nói
lịch, lại cần-thận cần-kiệm cho bớt tiền lãng-phí;
ngoài ra nhà giàu biết làm duyên làm phước, nhà
nghèo biết an tâm thủ phận, trẻ thì biết ham
học, già thì biết tích-dức, văn-thần không ưa tiền,
văn-thần không sợ chết: mỗi người tùy theo địa-vị
mình đều hết sức lo hạnh-phúc chung cho đại-đa-

Về phần ngoại-giao, người Đạo Phật lại biết nhân-
học phụ-trọng, biết chỗ yếu chỗ mạnh, chỗ sở-
hùng chỗ không sở-trường của nước mình và của
nước khác, nên thường nhắm theo hiện-trạng của
thế-tế mà hành-động, không vì danh-lợi riêng của
mình mà di-hại cho cả xứ.

Đạo Phật, về mặt *tùy-duyên*, thiệt có quốc-gia có
tổ-sở, thiệt rất có ích cho quốc-gia và xứ-sở: ai
người có lòng vì nước vì dân xin hãy nghiên-
cứu Phật-Học.

VIÊN-ÂM



CHÙA TỊNH-QUANG

Hay tin chùa Tịnh-Quang tỉnh Quảng-Trị lập
trường kỳ, lẽ ra chúng tôi cũng chung lo một
vấn, song xét vì tôn chỉ không hiệp với tôn-chỉ
của tôi, nên không dám dự.

VIÊN-ÂM

GIỚI THIỆU BẢO CHƯƠNG

SÁCH TẶNG

Ông Trần-văn-Giáp có gởi tặng bản-san Chủ-Nhiệm và Tòa-Soạn bài diễn thuyết « Đạo-lý Phật giáo đối với Đạo-lý Nho-giáo ở xứ ta » của ông diễn tại Hội-quán « Hội Phật-Giáo » ở Hanoi, nay đã in thành quyển.

Vậy xin thành thật cảm ơn tác-giả.

TIẾNG CHUÔNG SỚM

Tạp-chi « Tiếng chuông sớm » của « Phật-giáo cổ-sơn môn » xuất bản ở Hanoi, do ngài Tăng-Cang-Đồ-văn-Hỷ, chùa Bà-Đá làm Chủ-nhiệm.

Báo quán đặt tại chùa Bà-Đá. Bộ biên-tập gồm có nhiều vị Sa-môn chủ-trương. Giá đồng niên: 2\$40.

Bản-san xin chào mừng bạn đồng-chí và xin giới thiệu cùng đọc-giải.

TIẾNG CHUÔNG NHÀ HỌC

Bản-san tiếp được quyển số 1 « Tiếng chuông nhà học » (Bulletin de l'Amicale des Fonctionnaires de l'Enseignement en Annam) của ông Nguyễn-khoa-Toàn, Hội-Trưởng Hội Giáo-giới Trung-kỳ chủ-trương.

Nguyệt-san in đẹp, có vẽ mỹ thuật bài vở đặc sắc.

THƯ LÒNG

Chúng tôi tiếp được quyển « Thư lòng và chuyện quá báo » của Niết-bàn Tùng-thư, 166, rue Le Grand de La Liraye, Saigon xuất bản.

Xin cảm ơn tác-giả.

TUẦN BÁO « NGHE, THẤY »

Tuần báo « Nghe, Thấy » xuất tại Saigon, do ông Phan-bá-Lân làm chủ-nhiệm.

Báo quán tại 186, rue d'Espagne, Saigon

Xin chúc mừng bạn đồng-nghiep và giới thiệu cùng độc-giả.

GIỚI LUẬT CỦA ĐẠO PHẬT

Ông Đoàn-trung-Còn, trong quyển « *Tăng-Đồ nhà Phật* », có nói đủ các giới của Tin-đồ Phật-giáo : giới của Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, giới của sa-di-Ni, Tĩ-kheo-Ni và có kể đủ nguyên do của các giới ấy.

Những Tin-đồ đạo Phật vì thất học chưa rõ giới-tướng cũng nên xem quyển sách này để biết mà gìn giữ.

Sách « *Tăng-Đồ nhà Phật* » đóng thành hai quyển, mỗi quyển giá 0\$45. Ngai nào muốn mua xin gởi thơ cho ông Đoàn-trung-Còn, 143 rue de Louvain, Saigon.

AI TÍN

Thầy Sa-Di Thích Chính-Túc, Trợ bút Viên-âm, và đã tăng lên Diễm-Đàn, mới từ trần ngày hôm 19 Juin 1935, lúc 11 giờ trưa.

Viên-âm số 13 sẽ có bài tường-thuật sự tích của thầy.

CÁC TỔNG PHÁI ĐẠO PHẬT Ở VIÊN-ĐÔNG

Ông Đoàn-trung-Còn, Tác-giả quyển « *Tăng-Đồ Nhà Phật* » là một quyển sách kể rõ các giới-tướng của Tin-Đồ, bản-san đã có lời giới thiệu, mới xuất bản cuốn « *Các Tổng-phái đạo Phật ở Viên-Đông* », sách dày hơn 100 trang, giá 0\$50.

Vậy xin có lời cảm ơn ông và sau này sẽ có lời giới-thiệu cùng độc-giả.

SUPPLÉMENT EN FRANÇAISE

Traduction française du Discours de S. E. Nguyễn-khoa-Tân

*Sire,
Monsieur le Résident Supérieur,
Excellences,
Mesdames, Messieurs.*

L'insigne honneur m'échoit aujourd'hui, de prendre la parole au nom des Membres de la « Société d'Etudes et d'Exercice de la Religion Bouddhique », au nom de la communauté des bonzes et de leurs fidèles de Hué et en mon nom personnel, pour adresser à LL. MM. les Reines Mères, à S. M. l'Empereur, à M. le Résident Supérieur en Annam, à LL. EE. les Ministres, à vous tous, Mesdames et Messieurs, nos respectueux souhaits de bienvenue et nos remerciements les plus empreints pour avoir accepté d'assister une fête aussi spéciale que cette cérémonie anniversaire de la Naissance du Bouddha.

Sire,

Malgré les multiples charges du pouvoir, Votre Majesté a tenu à venir, aux côtés de LL. MM. les Grand-Reine-Mère et Reine-Mère, nous apporter un témoignage de Sa haute sympathie qui va droit à tous les cœurs bouddhistes de l'Annam et dont l'éclat se répercutera avec bonheur, sur l'avenir de notre religion. Autant la vénération du Bouddha est grande dans ce pays, autant est précieux pour ses enfants spirituels, l'intérêt que le Chef de l'Etat attache à l'œuvre sociale que représente pour lui, la rénovation du Bouddhisme poursuivie sous son règne.

M. le Résident Supérieur,

A plusieurs reprises, avec une sympathie généreuse et une largeur de vue rare, vous nous avez accordé votre haut appui. Permettez-nous de voir aujourd'hui, dans votre présence au milieu de nous, comme une preuve, une synthèse vivante et active de ces deux hautes qualités d'homme qui font le chef compréhensif et qui commandent autant la gratitude que le respect. Monsieur le Résident Supérieur, soyez-en remercié.

Excellences,

Vous n'avez pas hésité à venir, bien que votre temps soit précieux. Votre présence prête à ce monastère et à cette fête un éclat tout particulier. Quel encouragement n'y puisent ils pas ceux qui aspirent à la Délivrance !

Mesdames, Messieurs,

Ma parole inhabile, trahie par l'émotion, ne traduirait qu'imparfaitement ce que nous ressentons d'enthousiasme et de légitime fierté devant la qualité de cette assemblée qui fait le succès de notre fête. Nous pouvons affirmer sans jactance, mais sans risque d'erreur, que dans l'histoire du Bouddhisme en Annam, c'est pour la première fois qu'on enregistre une commémoration collective de la Naissance de Çakya Mouni. Non pas que les bonzes aient négligé jusqu'ici de marquer, par des cérémonies, le retour d'une date qui leur est chère. Mais en Annam, aucune de ces cérémonies n'a réuni jusqu'ici, en des solennités publiques, tous les adeptes du Bouddha et donné une signification sociale à la solidarité de la grande famille bouddhique. Nous remercions les Autorités d'avoir facilité la réalisation de notre initiative, de nous avoir permis de venir ici, dans le cadre vétuste et majestueux du Dieu-Dê, inscrire le geste pieux de notre ferveur.

Permettez-moi, toutefois, de préciser ici le sens de ce geste que ne peut ni ternir, ni déformer aucune arrière-pensée. Comment nous expliquerions-nous l'éclat d'un

faîte sans lendemain, à l'évocation de souvenir émouvant de celui qui devait sa subsistance de chaque jour à la charité des fidèles et dont la vie ne fut qu'un long sacrifice ? Des solennités bouddhiques, mais, ne serait-ce pas une flagrante contradiction avec son enseignement d'humilité ?

Cependant, pénétrés de la grandeur de l'œuvre du Prédicateur par excellence dont la voix a gagné et gagne encore à son enseignement de proche en proche, plus de six cent millions d'adeptes, convaincus que le Bouddhisme, source de la culture la plus profonde et la plus originale, est à la base de la pensée extrême-orientale, enfin plus sensibles chaque jour à l'empreinte de cette culture qui a contribué à façonner leur âme, les Bouddhistes du Centre ont estimé qu'une fête solennel le ne serait qu'un juste hommage au Maître.

C'est dans cette disposition d'esprit qu'en moins de vingt jours, avec une spontanéité et une diligence surprenantes, avec un sens du dévouement touchant, les uns par leur propre effort, les autres par des dons et des contributions de toutes natures, tous les adeptes, de concert avec la confrérie des pagodes, ont organisé la fête d'aujourd'hui. Nous pouvons dire qu'elle est le fruit de leur seule piété.

Aussi, est-ce pour moi, à l'occasion de la réunion solennelle de ce soir, un agréable devoir de dire tout haut nos chaleureux remerciements à ces artisans d'une œuvre de foi que nous confondons tous dans la même gratitude et la même estime.

Si elle est l'œuvre de nos adeptes, à un point de vue plus général, cette fête est aussi l'aboutissement d'une évolution des esprits dont elle marque un tournant. Pour ceux qui sont attentifs aux remous des consciences, le mouvement est remarquable qui a entraîné ces dernières années l'esprit humain à la recherche des mystiques. Sous la poussée des circonstances contraires et dans l'angoisse du lendemain, les esprits qui s'éveillent ou qui reviennent ainsi à la foi, ce sont ceux qui tentent loyalement une

explication de la vie et qui cherchent à la réaliser sans faiblesse et sans illusion. L'erreur ne se supporte plus ou se supporte très mal. On se hâte vers une certitude qui soit déjà une délivrance sur terre.

Cette délivrance, le Bouddhisme croit l'avoir trouvée. Il l'a trouvée en nous apprenant à détruire une à une, toutes les illusions qui nous font croire à la réalité et à la permanence du Moi, en libérant en chacun de nous le principe des forces spirituelles, le « Phât », la Bouddhéité, qui nous permet de participer de la vie universelle et qui nous porte à aimer toutes vies comme étant les formes mouvantes et fugitives de ce principe unique et éternel.

C'est à cette libération que consiste l'exercice du Bouddhisme, c'est ce bonheur, c'est cette joie de l'intelligence et du cœur qu'il propose à notre humanité inquiète et parfois si douloureuse.

Notre « Société d'Études et d'Exercice de la Religion Bouddhique » ne connaît pas d'autre but plus beau. Elle assemble des maîtres et des amis, réunit les éléments nécessaires pour le perfectionnement des membres et pour ouvrir toute grande la carrière à toutes les expériences et à toutes les tentatives loyales qui visent dans le sens du Bouddha au bonheur parfait de l'émancipation spirituelle.

La récompense à nos efforts et la preuve que ces efforts n'ont pas été inutiles, nous les avons trouvées dans l'affluence des adhérents de plus en plus nombreux, parmi lesquels nous remarquons des éléments des classes instruites et de l'élite intellectuelle de notre Société.

En somme, nous pensons répondre à de véritables aspirations par l'institution de cet anniversaire qui nous a permis d'établir le bilan d'une action encore nouvelle.

Puisse cette action entrer dans les vues du Bouddha. On lit dans un sutra : « Ce sont les lacunes et les insuffisances de l'action humaine qui ont décidé l'intervention du Bouddha ». Cette intervention a rempli « les huit

stades » de son séjour terrestre dont parlent les livres sacrés.

Excellences,

Le véritable fondement de l'ordre social, vous en êtes profondément convaincus, est d'abord dans l'ordre et la cohésion de la vie intérieure. Or, à cette intérieure, le bouddhisme offre la plus précieuse, la plus sûre, la plus profonde des disciplines. Dans le domaine social, il constitue ainsi un solide gardien de l'ordre et de la paix. Aussi sommes-nous persuadés que Monsieur le Résident Supérieur et Vos Excellences, fidèles au programme de relèvement national de l'Annam, ne marchandent par leur bienveillant appui pour une association dont le but est d'élever la pensée, de répandre les vertus de pitié et de douceur parmi les populations.

Sire,

En décembre 1896, dans l'Inde, à Thérâi, dans la plaine remplie de buissons et de marécages qui s'encadre entre l'Himalaya et la plaine du Gange, on a exhumé une antique colonne commémorative où se lisait cette inscription : « Ici, naquit le sublime ! » Le sublime c'est Çakya Mouni ; — la colonne ce fut l'œuvre du Roi Açoka qui en avait voulu marquer le lieu de Naissance du Bouddha.

Si nous avions le bonheur d'être les proches compatriotes du Grand Maître hindou, nous nous serions fait le devoir d'accomplir de pieux pèlerinages au lieu qui l'a vu naître. La fortune a voulu que nous vivions sous le règne d'un Empereur à l'esprit ouvert, pour qui, nous en voyons une preuve ce soir, les préoccupations spirituelles de son peuple ne sont pas un vain mot.

Car, Sire, pareil dans ses effets à cette inscription de Thérâi, le souvenir du passage de Votre Majesté parmi nous à l'occasion de ce premier anniversaire public du Bouddha, s'inscrira dans les fastes de notre Religion aussi émouvant, aussi durable que le bronze des colonnes commémoratives.





DỰ CÁO SÒ 13

Nội dung Viên-Âm

SÒ 13

sẽ thay đổi nhiều và có những bài sau này :

Lời phê bình VIÊN ÂM năm thứ nhất của các ngài Chứng minh Đại Đạo Sư :

Đạo Phật hiệp với đời :

Cảm tưởng đối với những bài phê bình Phật giáo trong các báo chương

Bát bài « Đạo Phật dưới Kinh Hiền Vi » ở báo Ánh Sáng, vân vân...



MỘT SỐ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

NGUYỆT-SAN CỦA HỘI PHẬT-HỌC — HUẾ

TÒA-SOẠN :

5. Rue Champeau — Hué

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH THÂM, Médecin Indochinois

Boite postale N° 73 — Hué

KÍNH CÙNG ĐỘC-GIẢ

Thay mặt cho chúng tôi về phần thâu tiền và xuất biên-lai, thì chúng tôi có cây :

Ở Faifo và Tam-kỳ, M. Đặng-ngọc-Chương ;

Ở Tourane M. Vũ-như-Kim ;

Ở Hué M. Ung-Tiến.

Trừ ra, xin lấy biên-lai của Tòa-soạn làm bằng cớ, vì chúng tôi không còn ủy thác ông, nào xuất biên-lai và thâu tiền ở nơi nào nữa cả.

Xin độc giả chú ý.

VIÊN-ÂM